

CHUYÊN ĐỀ 1: BÀI ĐỌC ĐIỂN TỪ

I. PHÂN TÍCH MA TRẬN

Câu hỏi	Kiến thức	Mức độ nhận thức
1	Loại từ (tính từ)	Nhận biết
2	Trật tự từ	Nhận biết
3	Rút gọn MĐQH (bị động)	Thông hiểu
4	Giới từ	Nhận biết
5	Cụm từ cố định	Thông hiểu
6	Dạng của động từ (to infinitive)	Nhận biết
7	Từ hạn định	Nhận biết
8	Cụm động từ	Thông hiểu
9	Nghĩa của từ	Vận dụng
10	Cụm giới từ	Thông hiểu
11	Lượng từ	Thông hiểu
12	Nghĩa của từ	Vận dụng

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

MAKING FRIENDS IN THE SKY

“Who will I sit next to? Will they be interesting or will they be really (1)_____?” Are these the questions that you often ask yourself before a (2)_____? But that’s all going to change! An airline company has introduced a new system (3)_____ ‘Meet & Seat’. Now you can choose your 'next-door neighbour'. When you book your tickets, you can show your social media profile (4)_____ everyone on the plane. You will also see everyone else’s profile. Then you can choose who you want to sit next to. If you want to talk about work and (5)_____ business contacts, look at people's professional network profiles. And if you prefer (6)_____ fun and chat about travelling and shopping, look at their social network profiles!

(Adapted from C21 Smart)

- Question 1: A. boring B. bored C. boringly D. bored
- Question 2: A. long journey plane B. long plane journey
 C. plane long journey D. journey long plane
- Question 3: A. which called B. calling C. was called D. called
- Question 4: A. for B. in C. by D. to
- Question 5: A. do B. make C. book D. put
- Question 6: A. to having B. having C. have D. to have

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

To Save the Planet, Begin at Home!

Let’s look at what we can do at home each day to save the planet.

Facts and figures:

Farming with synthetic chemicals has killed insects and (7)_____ **animals**. Meanwhile, we (8)_____ 80 million cans each day and 45,000 tonnes of plastic packaging each year. These kill up to one million seabirds a year.

Positive action!

- Buy and consume fresh, organic food and drinks, especially things produced locally. This reduces the need for long-distance food (9) _____.
- Don't always buy food that comes in cans or plastic packaging. (10) _____ buying a pre-packaged sandwich, make your own! That helps reduce the (11) _____ of rubbish you produce.
- Reuse packaging where possible. Separate paper, plastic, and metal (12) _____ and recycle them.

(Adapted from Move on)

Question 7. A. others	B. other	C. the others	D. another
Question 8. A. throw away	B. give in	C. pass out	D. put off
Question 9. A. storage	B. transport	C. preservation	D. preparation
Question 10. A. Instead of	B. On account of	C. Irrespective of	D. In view of
Question 11. A. number	B. level	C. amount	D. quality
Question 12. A. items	B. factors	C. resources	D. substances

II. GỢI Ý PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Để giúp học sinh làm tốt bài đọc điền từ dạng trắc nghiệm như trên, giáo viên có thể áp dụng một số phương pháp giảng dạy sau:

1. Giới thiệu nội dung và ngữ cảnh

- **Mô tả:** Trước khi làm bài, hãy giới thiệu ngắn gọn về nội dung bài đọc để học sinh có cái nhìn tổng quan.
- **Lợi ích:** Giúp học sinh nắm bắt được ý chính và ngữ cảnh, từ đó dễ dàng chọn đáp án phù hợp hơn.

2. Dạy cấu trúc từ vựng và ngữ pháp

- **Mô tả:** Giải thích các loại từ (tính từ, động từ, danh từ) và cách chúng hoạt động trong ngữ cảnh cụ thể.
- **Lợi ích:** Học sinh sẽ hiểu rõ hơn về cách sử dụng từ trong câu, giúp họ lựa chọn đúng từ cho các chỗ trống.

3. Phân tích từng câu hỏi

- **Mô tả:** Sau khi học sinh làm bài, cùng nhau phân tích từng câu hỏi, lý do tại sao đáp án đúng là như vậy và tại sao các đáp án sai không phù hợp.
- **Lợi ích:** Giúp học sinh rút ra kinh nghiệm và tránh mắc lỗi tương tự trong tương lai.

4. Khuyến khích thảo luận nhóm

- **Mô tả:** Chia lớp thành các nhóm nhỏ và để họ thảo luận về các đáp án của từng câu hỏi.
- **Lợi ích:** Học sinh sẽ học hỏi từ nhau và cải thiện khả năng giao tiếp, đồng thời hiểu sâu hơn về ngữ cảnh.

5. Thực hành thường xuyên

- **Mô tả:** Cung cấp nhiều bài tập đọc điền từ khác nhau với mức độ khó khác nhau để học sinh luyện tập.
- **Lợi ích:** Giúp học sinh làm quen với định dạng bài thi và tăng cường kỹ năng làm bài.

6. Sử dụng công nghệ

- **Mô tả:** Áp dụng các ứng dụng học tập hoặc phần mềm trực tuyến cho bài tập đọc điền từ.
- **Lợi ích:** Học sinh có thể thực hành nhiều lần và nhận phản hồi ngay lập tức về kết quả.

7. Thực hiện bài kiểm tra mẫu

- **Mô tả:** Tổ chức các bài kiểm tra mẫu giống như bài thi thực tế để học sinh có thể luyện tập.
- **Lợi ích:** Giúp học sinh quen với áp lực thời gian và hình thức thi.

8. Đánh giá và phản hồi

- **Mô tả:** Cung cấp phản hồi cụ thể sau khi học sinh hoàn thành bài tập, nêu rõ những điểm mạnh và điểm cần cải thiện.
- **Lợi ích:** Giúp học sinh nhận biết được tiến bộ của mình và cách thức cải thiện.

9. Tạo không khí học tập tích cực

- **Mô tả:** Khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động vui vẻ liên quan đến từ vựng và ngữ pháp.
- **Lợi ích:** Tạo động lực cho học sinh và giúp họ cảm thấy thoải mái hơn khi học.

10. Gợi ý cách làm bài

- **Mô tả:** Dạy học sinh cách ghi chú và loại bỏ các đáp án không hợp lý ngay từ đầu, từ đó dễ dàng hơn trong việc chọn đáp án đúng.
- **Lợi ích:** Giúp học sinh tiết kiệm thời gian và nâng cao khả năng phân tích.

Kiến thức	Gợi ý phương pháp và nội dung giảng dạy
Loại từ (tính từ)	- Dạy chuyên đề về loại từ - Hướng dẫn học sinh cách xác định loại từ cần điền vào chỗ trống thông qua các từ khóa VD: Will they be interesting or will they be really ____? (be + adv + adj) - Dạy học sinh cách phân biệt tính từ đuôi -ing và tính từ đuôi -ed Tính từ đuôi -ing ● Cách sử dụng: Diễn tả cảm xúc, trạng thái, hoặc đặc điểm của một người hoặc vật. Thường được dùng để mô tả điều gì đó gây ra cảm xúc. ● Ví dụ: ○ Boring (buồn chán): The movie is boring. (Bộ phim này buồn chán.) ○ Interesting (thú vị): This book is interesting. (Cuốn sách này thú vị.) Tính từ đuôi -ed ● Cách sử dụng: Diễn tả cảm xúc hoặc trạng thái của người hoặc vật bị ảnh hưởng bởi điều gì đó. Thường được dùng để mô tả cảm xúc của con người. ● Ví dụ:

	- o Bored (chán): I am bored with this movie. (Tôi cảm thấy chán với bộ phim này.) - o Excited (hứng thú): She is excited about the trip. (Cô ấy rất hứng thú với chuyến đi.)
Trật tự từ (cụm danh từ)	- Dạy học sinh trật tự từ của tính từ và danh từ trong cụm danh từ - Cho học sinh làm bài tập chuyên đề riêng Trật tự từ của tính từ và danh từ trong cụm danh từ trong tiếng Anh là rất quan trọng để câu văn trở nên rõ ràng và chính xác. Dưới đây là hướng dẫn chi tiết về cách sắp xếp tính từ và danh từ trong cụm danh từ: 1. Cấu trúc cơ bản Cụm danh từ thường có cấu trúc như sau: • Modifier (tính từ/danh từ mô tả) + Head Noun (danh từ chính) 2. Trật tự của tính từ và danh từ Khi có nhiều tính từ hoặc danh từ trong một cụm danh từ, chúng thường được sắp xếp theo thứ tự sau: * Thứ tự của các tính từ 1. Opinion: Tính từ thể hiện ý kiến hoặc cảm xúc (e.g., beautiful, interesting) 2. Size: Tính từ mô tả kích thước (e.g., big, small) 3. Age: Tính từ mô tả độ tuổi (e.g., old, young) 4. Shape: Tính từ mô tả hình dạng (e.g., round, square) 5. Color: Tính từ mô tả màu sắc (e.g., red, blue) 6. Origin: Tính từ mô tả nguồn gốc (e.g., American, French) 7. Material: Tính từ mô tả chất liệu (e.g., wooden, plastic) 8. Purpose: Tính từ mô tả mục đích (e.g., sleeping bag, cooking pot) * Thứ tự của các danh từ • Danh từ mô tả (Modifier Noun): Các danh từ bổ nghĩa cho danh từ chính thường đứng trước danh từ chính. • Danh từ chính (Head Noun): Danh từ chính mà các danh từ khác mô tả. 3. Ví dụ • Một tính từ: - o A beautiful flower (một bông hoa đẹp). • Nhiều tính từ: - o A big old round wooden table (một chiếc bàn gỗ tròn cũ lớn). (Opinion: big → Age: old → Shape: round → Material: wooden) • Cụm danh từ với nhiều danh từ: - o A high school English teacher: "high school" mô tả "teacher". 4. Kết hợp giữa tính từ và danh từ • Ví dụ: - o An interesting red book (một cuốn sách đỏ thú vị). "interesting" (tính từ ý kiến) + "red" (tính từ màu sắc) + "book" (danh từ chính)
Rút gọn MĐQH (bị động)	- Cho học sinh làm bài tập chuyên đề rút gọn mệnh đề quan hệ - Dạy học sinh cách nhận biết các dạng mệnh đề quan hệ rút gọn (chủ động, bị động) - Mỗi khi gặp câu sử dụng dạng rút gọn mệnh đề quan hệ, giáo viên giới thiệu (nếu mới) hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại (nếu đã học) 1. Rút gọn với V-ing

	Khi mệnh đề quan hệ có động từ ở dạng chủ động thì có thể rút gọn đại từ quan hệ và động từ thành V-ing Ví dụ: • Câu đầy đủ: The girl <u>who is singing</u> is my sister. • Câu rút gọn: The girl <u>singing</u> is my sister. 2. Rút gọn với V-ed Khi mệnh đề quan hệ có động từ ở dạng bị động thì có thể rút gọn đại từ quan hệ và động từ thành V-ed Ví dụ: • Câu đầy đủ: The car <u>that was stolen</u> was found yesterday. • Câu rút gọn: The <u>stolen</u> car was found yesterday.
Giới từ	- Cho học sinh làm bài tập chuyên đề về giới từ (đặc biệt là giới từ đi với các động từ) - Hướng dẫn học sinh tìm các từ khóa trước và sau từ cần điền Ví dụ: show your social media profile _____ everyone
Cụm từ cố định	- Hướng dẫn học sinh tìm từ liên quan đến từ cần điền Ví dụ: _____ business contacts - Cho học sinh làm bài tập chuyên đề - Mỗi khi gặp các cụm từ cố định (fix expression/collocation), giáo viên giới thiệu (nếu mới) hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại (nếu đã học)
Dạng của động từ (to infinitive)	- Cung cấp hoặc yêu cầu học sinh tổng hợp các cấu trúc câu liên quan đến các dạng của động từ - Cho học sinh làm bài tập chuyên đề - Mỗi khi gặp các câu liên quan đến dạng của động từ, giáo viên giới thiệu (nếu mới) hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại (nếu đã học) - Hướng dẫn học sinh tìm từ liên quan với loại động từ cần điền - Hướng dẫn học sinh phân biệt giữa các cấu trúc liên quan Ví dụ: Prefer to do something Prefer doing something to doing something
Từ hạn định/ Lượng từ	- Cho học sinh làm bài tập chuyên đề - Hướng dẫn học sinh phân biệt các từ trong các phương án lựa chọn Ví dụ: 1. Other • Cách sử dụng: "Other" là một tính từ được sử dụng để mô tả danh từ số nhiều hoặc danh từ không xác định. • Ví dụ: - o Other people: Những người khác. - o I have other ideas.: Tôi có những ý tưởng khác. 2. Others • Cách sử dụng: "Others" là một đại từ chỉ những người hoặc vật khác. Nó thường được dùng để chỉ một nhóm không xác định khác trong một ngữ cảnh nhất định. • Ví dụ: - o Some students passed the exam, while others failed.: Một số sinh viên đã vượt qua kỳ thi, trong khi những người khác đã trượt.

	3. The other(s) • Cách sử dụng: "The others" là một đại từ chỉ cụ thể (những) người hoặc vật còn lại trong một nhóm đã được xác định trước. • Ví dụ: ◦ I invited five friends, but only three came. The others didn't show up.: Tôi đã mời năm người bạn, nhưng chỉ có ba người đến. Những người còn lại không đến. 4. Another • Cách sử dụng: "Another" là một tính từ và đại từ được sử dụng để chỉ một cái gì đó khác, thường là một cái mới hoặc thêm vào. Nó thường đi với danh từ số ít. • Ví dụ: ◦ I would like another cup of coffee.: Tôi muốn thêm một tách cà phê nữa. ◦ Do you have another suggestion?: Bạn có đề xuất nào khác không?
Cụm động từ	- Cho học sinh làm bài tập chuyên đề - Mỗi khi gặp các câu có cụm động từ, giáo viên giới thiệu (nếu mới) hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại (nếu đã học)
Nghĩa của từ	- Hướng dẫn học sinh đọc kỹ các câu trước từ cần điền, tìm các từ khóa liên quan đến từ cần điền - Đảm bảo học sinh biết các từ trong các phương án lựa chọn
Cụm giới từ	- Cho học sinh làm bài tập chuyên đề - Hướng dẫn học sinh phân biệt các cụm giới từ trong các phương án lựa chọn Ví dụ: 1. Instead of • Định nghĩa: Diễn tả sự thay thế hoặc lựa chọn khác. • Cách sử dụng: Thường được sử dụng để chỉ ra rằng một thứ được thay thế cho thứ khác. • Ví dụ: ◦ I chose to stay home instead of going out. (Tôi đã chọn ở nhà thay vì đi ra ngoài.) ◦ Instead of coffee, I prefer tea. (Thay vì cà phê, tôi thích trà hơn.) 2. In view of • Định nghĩa: Diễn tả sự xem xét hoặc cân nhắc về một điều gì đó. • Cách sử dụng: Thường được dùng để chỉ ra rằng một hành động hoặc quyết định được đưa ra dựa trên một thông tin hoặc tình huống cụ thể. • Ví dụ: ◦ In view of the recent events, we decided to postpone the meeting. (Xét về những sự kiện gần đây, chúng tôi quyết định hoãn cuộc họp.) ◦ In view of your experience, we would like to offer you the job. (Xét về kinh nghiệm của bạn, chúng tôi muốn đề nghị bạn công việc.) 3. On account of • Định nghĩa: Diễn tả lý do hoặc nguyên nhân. • Cách sử dụng: Thường được sử dụng để chỉ ra rằng một hành động hoặc tình huống xảy ra vì một lý do nào đó. • Ví dụ:

	- o The event was canceled on account of bad weather. (Sự kiện đã bị hủy bỏ do thời tiết xấu.) - o She was late on account of traffic. (Cô ấy đã đến muộn vì tắc đường.) 4. Irrespective of • Định nghĩa: Diễn tả việc không bị ảnh hưởng bởi điều gì đó; không tính đến. • Cách sử dụng: Thường được sử dụng để chỉ ra rằng một yếu tố nào đó không ảnh hưởng đến hành động hoặc quyết định. • Ví dụ: - o Irrespective of the cost, we need to complete this project. (Bất kể chi phí như thế nào, chúng ta cần hoàn thành dự án này.) - o The rules apply to everyone, irrespective of their background. (Các quy tắc áp dụng cho tất cả mọi người, không phân biệt nền tảng của họ.)
--	---

III. MỘT SỐ BÀI THAM KHẢO THEO MA TRẬN ĐỀ MINH HỌA

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

Your Dream Home Awaits!

Step into a world of charm and elegance with this (1) _____ opportunity to own a beautiful old house (2) _____ in the 1920s. This stunning property has been meticulously maintained, providing you (3) _____ a perfect blend of classic character and modern conveniences.

Imagine hosting family gatherings in the spacious living room or enjoying peaceful evenings in the lush garden. The house features (4) _____, high ceilings, and large windows that flood each room with natural light.

Located in a friendly neighborhood, it's close to schools, parks, and local shops, (5) _____ it an ideal spot for families.

Don't miss your chance (6) _____ this unique gem!

Contact us today to schedule a viewing and let this beautiful old house become your forever home!

 Call now at 1-800-555-REAL!

- | | | | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|--------------|
| Question 1: A. amazement | B. amazed | C. amazing | D. amazingly |
| Question 2: A. which built | B. built | C. was built | D. building |
| Question 3: A. with | B. for | C. by | D. of |
| Question 4: A. original floors hardwood | | B. original hardwood floors | |
| | C. hardwood original floors | D. floors original hardwood | |
| Question 5: A. taking | B. making | C. creating | D. doing |
| Question 6: A. to owning | B. own | C. owning | D. to own |

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Discover the Best Local Events!

Are you looking for something fun to do this weekend? Look no further! We have an exciting (7) _____ of events happening in our community that you won't want to miss!

(8) _____ the busy schedules, there's always time to enjoy local music, food festivals, and art exhibitions. Whether you're a family looking for activities, friends wanting to explore, or just someone looking to unwind, we have (9) _____ fantastic event for you!

Don't let anything (10) _____ your plans! Join us for an unforgettable experience filled with laughter, creativity, and connection.

Grab your friends and family and come out to support local talent while making amazing (11) _____!

For more (12) _____, visit our website or call us today!

Let's make this weekend one to remember!

- | | | | |
|-----------------------------------|-----------------|---------------|-------------------|
| Question 7. A. number | B. amount | C. deal | D. bit |
| Question 8. A. Instead of | B. In spite of | C. Apart from | D. In addition to |
| Question 9. A. other | B. others | C. another | D. the others |
| Question 10. A. break down | B. get up | C. carry on | D. put off |
| Question 11. A. memories | B. performances | C. situations | D. differences |
| Question 12. A. cases | B. comments | C. details | D. connections |

Read the following blog post and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

Exploring the Beauty of a Pagoda

I'm so (1) _____ to share my recent trip to a (2) _____ nestled in the heart of Vietnam! This stunning structure, (3) _____ as the Thien Mu Pagoda, is not only a breathtaking sight but also rich in history and culture.

As I walked through the serene gardens, I could almost feel the stories of the past (4) _____ to life. Legend has it that the pagoda was built in 1601 by a king who was married (5) _____ a princess. Their love story is as captivating as the architecture itself!

Visiting this pagoda was a transformative experience, reminding me of the deep connections we have to our heritage. If you're ever in the area, don't miss the chance (6) _____ this gem! It's a perfect spot for reflection and inspiration.

- | | | | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Question 2: A. excited | B. exciting | C. excitement | D. excitingly |
| Question 1: A. beautiful pagoda ancient | B. beautiful ancient pagoda | C. ancient beautiful pagoda | D. pagoda beautiful ancient |
| Question 3: A. known | B. knowing | C. was known | D. which known |
| Question 4: A. getting | B. calling | C. coming | D. going |
| Question 5: A. with | B. to | C. by | D. of |
| Question 6: A. to having | B. having | C. have | D. to have |

Read the following blog post and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

January 15

Metal detecting is a great hobby for people interested in history. I first tried it after I got a metal detector for my tenth birthday. I (7) _____ my money and bought a new one last year. Now that I have my own one, I go metal detecting every weekend.

I usually go with my friend, Adam. It's more fun to go with someone else because you have someone to talk (8) _____. It can take hours before you find something. Last Sunday, after I spent the whole day (9) _____, I only found an old bottle top. So, you don't always find (10) _____!

People think it's an expensive hobby, but I don't think so. The last metal detector I bought cost me two hundred dollars. But (11) _____ that, you only need a cheap shovel and lots of time. Some of my friends think it's boring, but I disagree. The noise your metal detector makes when it finds something is really exciting. There's so much (12) _____ under the ground. Last summer, Adam and I found a really old gold coin. It was over a thousand years old. It's in the Oregon History Museum now. That was pretty amazing.

Question 7. A. set up

B. saved up

C. made up

D. turned up

Question 8. A. to

B. about

C. of

D. at

Question 9. A. look

B. to look

C. looking

D. to looking

Question 10. A. treasure

B. measure

C. solution

D. interest

Question 11. A. thanks to

B. regardless of

C. because of

D. apart from

Question 12. A. information

B. history

C. metal

D. exploitation

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following Questions from 13 to 17.

Question 13.

- a. Nam: Hi, Mark! Long time no see. You look so good!
- b. Nam: Yes, I have. I exercise every morning and eat more healthy food.
- c. Mark: Hi, Nam! Thanks. You look so fit, too. Have you worked out a lot lately?

(Adapted from Global Success)

- A. c-a-b
- B. b-c-a
- C. c-b-a
- D. a-c-b

Question 14.

- a. Alex: Why online classes?
- b. Sue: I'm going to try online classes.
- c. Alex: How are you going to improve your English?
- d. Alex: I think online classes are too expensive. I don't think I'll try them.
- e. Sue: They improve our communication skills, and they have flexible schedules.

(Adapted from i-Learn Smart World)

World)

- A. c-b-a-e-d
- B. c-e-d-b-a
- C. d-b-a-e-c
- D. d-e-a-b-c

Question 15. Hi Gemma,

- a. But it was interesting to watch these videos.
- b. Thanks so much for the guitar lesson videos you sent me last week.
- c. You know, we ought to practise together for some time. What do you think?
- d. Thanks also for the tip about the free websites with musical lesson videos-they are much better than the sites I've been following.
- e. It's really nice to learn how to play a new instrument like the guitar, but I am too busy at the moment, so I'm focusing on my violin lessons for now.

Write back

soon. Billy

(Adapted from THINK)

- A. d - b - a - c - e
- B. b-e-a-d-c
- C. a-d-b-c-e
- D. c-a-d-b-e

Question 16.

- a. While deadlines and flexibility are essential aspects of this job, the occasional office meeting for project updates, for instance, is a small trade-off.
- b. Working remotely from home fuels my creativity and allows for a more productive environment.
- c. Indeed, for the past year, I have thrived in this role at a local company, where I craft engaging online content and develop effective strategies.
- d. My passion for both people and technology naturally led me to a fulfilling career in social media management.
- e. In conclusion, I am incredibly happy with my current position and the opportunities it provides, as it perfectly combines my interests and skills.

(Adapted from Bright)

- A. d-c-b-a-e
- B. a-b-c-d-e
- C. b-c-d-a-c
- D. c-a-d-b-e

Question 17:

- a. However, despite this growth, Redmond still lacks a hospital, as the nearest one is located over 30 miles away in Longreach.
- b. Once abundant parks on Oak Street and Richmond Avenue have been replaced by factories, marking a shift towards industrialisation.
- c. The industrial shift has also attracted new businesses, from arcades to shops and factories, boosting the local economy and making Redmond more and more commercially active.

- d. Redmond has transformed significantly over the past decade.
 e. This industrial growth has led to a 25% population boom due to an influx of factory workers, resulting in increased traffic congestion.

(Adapted from i-Learn Smart World)

- A. d-b-c-e-a B. d-c-a-b-e C. d-a-e-b-c D. d-e-b-c-a

Dưới đây là mức độ vận dụng cho 5 câu hỏi sắp xếp câu từ 13-17, chia theo từng bậc tư duy từ Nhận biết đến Vận dụng.

Question 13 - Hội thoại hàng ngày

- a. Nam: Hi, Mark! Long time no see. You look so good!
 b. Nam: Yes, I have. I exercise every morning and eat more healthy food.
 c. Mark: Hi, Nam! Thanks. You look so fit, too. Have you worked out a lot lately?

- A. c-a-b B. b-c-a C. c-b-a D. a-c-b

- **Mức độ:** Nhận biết và Hiểu

Đây là câu hỏi thuộc dạng hội thoại ngắn và dễ hiểu, với từ ngữ và cấu trúc giao tiếp quen thuộc. Học sinh chỉ cần nhận biết thứ tự hội thoại dựa trên cấu trúc hỏi - đáp cơ bản.

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh sắp xếp các câu trong hội thoại sao cho mạch lạc và tự nhiên, phản ánh đúng ngữ cảnh giao tiếp hàng ngày.

Phương pháp

- **Gợi ý từ khóa:** Nhấn mạnh các từ ngữ hoặc cấu trúc thường có trong hội thoại như lời chào, câu trả lời và phản hồi về chủ đề được nói đến. Ví dụ, câu mở đầu thường là một lời chào hoặc nhận xét, tiếp theo là lời đáp và sau đó là câu kết thúc.
- **Phân tích vị trí câu:** Hướng dẫn học sinh chú ý các câu hỏi và câu trả lời có tính liên kết để hiểu được mạch nối của hội thoại.

Hướng dẫn làm bài

- Bước 1: Xác định câu mở đầu bằng cách tìm câu có lời chào hoặc câu hỏi gợi mở.
- Bước 2: Tìm các câu đáp lại hoặc bổ sung thông tin từ câu trước để hoàn thành mạch hội thoại.

Lời giải mẫu: D. a-c-b.

Question 14 - Trao đổi về một chủ đề cụ thể

- a. Alex: Why online classes?
 b. Sue: I'm going to try online classes.
 c. Alex: How are you going to improve your English?
 d. Alex: I think online classes are too expensive. I don't think I'll try them.
 e. Sue: They improve our communication skills, and they have flexible schedules.

- A. c-b-a-e-d B. c-e-d-b-a C. d-b-a-e-c D. d-e-a-b-c

- **Mức độ:** Hiểu và Vận dụng

Câu hỏi yêu cầu học sinh hiểu sâu hơn về mạch hội thoại và vận dụng kiến thức về từ khóa liên kết trong đoạn hội thoại dài hơn. Học sinh cần sắp xếp câu theo trình tự trao đổi lý do và phản hồi ý kiến.

- **Mục tiêu:** Phát triển kỹ năng hiểu ý chính và logic trong các hội thoại về chủ đề cụ thể, nâng cao khả năng nhận diện mạch suy nghĩ trong giao tiếp.

Phương pháp

- **Dùng các từ khóa chính:** Hướng dẫn học sinh tìm kiếm các từ khóa để liên kết giữa các câu hỏi và câu trả lời trong đoạn hội thoại. Ví dụ, "Why" thường dẫn đến câu trả lời có lý do.
- **Liên kết logic:** Nhắc học sinh về logic hỏi và đáp, thường sẽ đi theo thứ tự hỏi lý do -> đưa ra ý kiến -> phản hồi.

Hướng dẫn làm bài

- Tìm câu hỏi chính, sau đó là câu trả lời và ý kiến phản hồi.

Lời giải mẫu: A. c-b-a-e-d.

Question 15 - Thư từ hoặc email

Hi Gemma,

a. But it was interesting to watch these videos.

b. Thanks so much for the guitar lesson videos you sent me last week.

c. You know, we ought to practise together for some time. What do you think?

d. Thanks also for the tip about the free websites with musical lesson videos-they are much better than the sites I've been following.

e. It's really nice to learn how to play a new instrument like the guitar, but I am too busy at the moment, so I'm focusing on my violin lessons for now.

Write back

soon. Billy

A. d - b - a - c - e

B. b-e-a-d-c

C. a-d-b-c-e

D. c-a-d-b-e

- **Mức độ:** Hiểu và Vận dụng
Học sinh phải hiểu cách sắp xếp câu trong bức thư để nội dung trở nên logic, cần nắm bắt được từ ngữ chuyển tiếp và các ý chính phụ trong thư.
- **Mục tiêu:** Phát triển kỹ năng hiểu cách sắp xếp các câu trong một bức thư/email, đặc biệt là về cách cảm ơn, giải thích và đưa ra lời mời.

Phương pháp

- **Dấu hiệu trình tự:** Các câu cảm ơn hoặc lời mở đầu thường xuất hiện đầu tiên. Câu tiếp theo có thể chứa nội dung chi tiết hơn hoặc nhắc đến thông tin cụ thể từ người nhận thư.
- **Kết nối nội dung:** Sau khi cảm ơn, học sinh cần tìm câu giải thích hoặc nêu lý do cảm ơn, rồi cuối cùng là lời mời hoặc kết thúc thư.

Hướng dẫn làm bài

- Bước 1: Chọn câu có lời mở đầu hoặc cảm ơn.
- Bước 2: Tìm câu bổ sung cho ý tưởng trong thư.

Lời giải mẫu: B. b-e-a-d-c.

Question 16 - Đoạn văn giới thiệu bản thân hoặc nghề nghiệp

- a. While deadlines and flexibility are essential aspects of this job, the occasional office meeting for project updates, for instance, is a small trade-off.
- b. Working remotely from home fuels my creativity and allows for a more productive environment.
- c. Indeed, for the past year, I have thrived in this role at a local company, where I craft engaging online content and develop effective strategies.
- d. My passion for both people and technology naturally led me to a fulfilling career in social media management.
- e. In conclusion, I am incredibly happy with my current position and the opportunities it provides, as it perfectly combines my interests and skills.

A. d-c-b-a-e

B. a-b-c-d-e

C. b-c-d-a-c

D. c-a-d-b-e

- **Mức độ:** Vận dụng

Câu hỏi này yêu cầu học sinh vận dụng khả năng sắp xếp các ý trong đoạn văn giới thiệu dài hơn và chi tiết về nghề nghiệp. Cần tư duy sâu hơn để nhận biết ý nghĩa chính phụ và đảm bảo tính mạch lạc của đoạn văn.

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh sắp xếp các câu trong đoạn văn tự giới thiệu bản thân và nghề nghiệp một cách logic và rõ ràng.

Phương pháp

- **Dùng từ khóa về trình tự công việc:** Hướng dẫn học sinh chú ý vào từ khóa về nghề nghiệp, từ mô tả ban đầu về bản thân và công việc, đến việc nêu rõ công việc hiện tại và kết luận.
- **Kết nối các đoạn giới thiệu và kết luận:** Đảm bảo câu kết luận tóm tắt và thể hiện ý tổng quát của đoạn văn.

Hướng dẫn làm bài

- Bước 1: Xác định câu giới thiệu chung về bản thân.
- Bước 2: Sắp xếp các chi tiết theo thứ tự công việc và kết luận.

Lời giải mẫu: A. d-c-b-a-e.

Question 17 - Giải thích hoặc mô tả một sự kiện

- a. However, despite this growth, Redmond still lacks a hospital, as the nearest one is located over 30 miles away in Longreach.
- b. Once abundant parks on Oak Street and Richmond Avenue have been replaced by factories, marking a shift towards industrialisation.
- c. The industrial shift has also attracted new businesses, from arcades to shops and factories, boosting the local economy and making Redmond more and more commercially active.
- d. Redmond has transformed significantly over the past decade.
- e. This industrial growth has led to a 25% population boom due to an influx of factory workers, resulting in increased traffic congestion.

A. d-b-c-e-a

B. d-c-a-b-e

C. d-a-e-b-c

D. d-e-b-c-a

- **Mức độ:** Vận dụng

Đòi hỏi học sinh sắp xếp thông tin trong một đoạn văn mô tả có cấu trúc phức tạp, không chỉ dựa trên câu mở đầu và kết luận mà còn phải hiểu ý chính của từng câu. Cần vận dụng tốt kỹ năng tổ chức thông tin và phân tích mạch liên kết trong văn bản.

- **Mục tiêu:** Tăng cường khả năng sắp xếp, phân tích và liên kết thông tin trong đoạn văn mô tả, nâng cao kỹ năng viết và đọc hiểu chuyên sâu cho học sinh.

Phương pháp

- **Xác định câu mở đầu và câu kết:** Tìm câu mở đầu giới thiệu tổng quát, sau đó các câu tiếp theo mô tả chi tiết và câu cuối để kết luận.
- **Sắp xếp ý tưởng phụ trợ:** Hướng dẫn học sinh sắp xếp các câu theo ý phụ trợ, nhằm đảm bảo tính liên kết giữa các ý.

Hướng dẫn làm bài

- Bước 1: Tìm câu giới thiệu chung hoặc tổng quan.
- Bước 2: Sắp xếp các chi tiết bổ sung và chọn câu kết luận.

Lời giải mẫu: A. d-c-b-a-e.

Với dạng bài tập sắp xếp câu, cần chú ý những điểm sau:

I. Nội dung

1. Sắp xếp câu trong hội thoại ngắn:

- o **Mục tiêu:** Học sinh nhận diện và sắp xếp các câu trong một cuộc hội thoại giao tiếp hàng ngày.
- o **Kỹ năng cần đạt:** Hiểu rõ cách hỏi đáp theo ngữ cảnh, trình tự các câu chào hỏi, phản hồi, hỏi thông tin và trả lời.

2. Sắp xếp câu trong thư từ hoặc email:

- o **Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng nhận diện cấu trúc cơ bản của thư từ/email, bao gồm lời chào, câu cảm ơn, nội dung chính và lời kết.
- o **Kỹ năng cần đạt:** Hiểu thứ tự các phần trong một bức thư/email và cách liên kết nội dung.

3. Sắp xếp câu trong đoạn văn giới thiệu bản thân hoặc nghề nghiệp:

- o **Mục tiêu:** Tập trung vào các đoạn văn mô tả bản thân hoặc nghề nghiệp, giúp học sinh nắm bắt cách sắp xếp các ý liên quan đến công việc và sở thích cá nhân.
- o **Kỹ năng cần đạt:** Biết cách xây dựng nội dung logic từ phần giới thiệu, mô tả công việc, đến kết luận.

4. Sắp xếp câu trong đoạn mô tả sự kiện hoặc hoạt động:

- o **Mục tiêu:** Sắp xếp các câu trong đoạn văn mô tả một sự kiện hoặc công việc, giúp học sinh phát triển kỹ năng tổ chức thông tin.
- o **Kỹ năng cần đạt:** Hiểu được trình tự và tính liên kết trong đoạn văn mô tả, khả năng phân tích ý chính và ý phụ.

II. Phương pháp giảng dạy

Để đạt hiệu quả cao, chuyên đề này được triển khai bằng các phương pháp sau:

- **Giải thích lý thuyết ngắn gọn:**
 - o Giáo viên giới thiệu sơ lược về đặc điểm từng loại văn bản và cách nhận diện dấu hiệu sắp xếp câu.
 - o Hướng dẫn học sinh cách tìm từ khóa, từ nối và các cấu trúc quan trọng trong mỗi dạng câu hỏi.
- **Phân tích Question cụ thể:**
 - o Mỗi dạng bài tập sẽ có một số Question minh họa. Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích từng câu trong Question để hiểu lý do chọn thứ tự câu.

- o Giải thích các lỗi phổ biến mà học sinh hay mắc phải khi sắp xếp câu.
- **Thực hành theo nhóm:**
 - o Cho học sinh thảo luận nhóm, mỗi nhóm sắp xếp các câu trong đoạn văn hoặc hội thoại, sau đó trình bày lý do lựa chọn của mình.
 - o Học sinh được khuyến khích đưa ra các phương án khác nhau và giải thích để phát triển tư duy phản biện.
- **Thảo luận chung và sửa bài:**
 - o Giáo viên tổ chức phần thảo luận chung để chỉnh sửa các lỗi sai, giúp học sinh hiểu rõ mạch văn và tính logic của đoạn.

3. Hình thức tổ chức trên lớp

Để tối ưu hóa hiệu quả học tập, các hoạt động trên lớp được tổ chức theo các hình thức sau:

- **Học theo nhóm:**
 - o Chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm cùng làm việc với một đoạn văn hoặc hội thoại. Sau khi thảo luận, các nhóm sẽ trình bày kết quả và cùng thảo luận để tìm ra câu trả lời đúng nhất.
- **Sử dụng công cụ trực tuyến:**
 - o Dùng Google Docs hoặc các ứng dụng như Quizizz, Kahoot, onluyen.vn để tạo bài tập sắp xếp câu. Học sinh có thể làm bài trên điện thoại hoặc máy tính bảng, giúp tăng tính tương tác.
- **Trò chơi kết nối câu:**
 - o Tổ chức các trò chơi như "Xếp câu nhanh", "Ghép câu đúng", hoặc "Ai xếp câu đúng trước" để học sinh thực hành sắp xếp câu nhanh và chính xác.
- **Bài tập thực hành tại nhà:**
 - o Sau khi học, học sinh được giao bài tập về nhà để ôn tập. Giáo viên có thể thiết kế các bài tập dạng sắp xếp câu với nhiều cấp độ khó để học sinh tự luyện.

4. Kiểm tra kết quả/tiến độ học tập

Để đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh, chuyên đề sẽ bao gồm các hình thức kiểm tra sau:

- **Kiểm tra ngắn hạn:**
 - o Cuối mỗi buổi học, giáo viên tổ chức một bài kiểm tra ngắn để đánh giá khả năng sắp xếp câu của học sinh. Bài kiểm tra này giúp nhận biết những điểm yếu của học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp.
- **Đánh giá qua quá trình thảo luận nhóm:**
 - o Giáo viên theo dõi hoạt động của học sinh trong quá trình thảo luận nhóm để đánh giá khả năng phân tích, hiểu và trình bày lý do lựa chọn của học sinh.
- **Bài tập kiểm tra tổng hợp:**
 - o Cuối chuyên đề, tổ chức một bài kiểm tra tổng hợp tương tự đề thi THPT Quốc gia, bao gồm các dạng sắp xếp câu trong hội thoại, thư từ, đoạn văn và mô tả sự kiện. Bài kiểm tra này sẽ giúp học sinh làm quen với dạng bài và nâng cao kỹ năng sắp xếp câu.
- **Phản hồi và tự đánh giá:**
 - o Sau mỗi bài kiểm tra, giáo viên cho học sinh nhận xét về tiến độ học tập của mình. Học sinh có thể tự đánh giá và điều chỉnh cách học để cải thiện kết quả.

Kỹ năng sắp xếp câu thành đoạn hội thoại, thư từ, đoạn văn và mô tả sự kiện là phần quan trọng trong việc ôn thi tốt nghiệp THPT. Bằng cách áp dụng các phương pháp giảng dạy khoa học, kết hợp

với hình thức tổ chức trên lớp đa dạng và kiểm tra đánh giá sát sao, chuyên đề giúp học sinh phát triển kỹ năng đọc hiểu và tư duy logic, sẵn sàng cho kỳ thi sắp tới.

MỘT SỐ QUESTION VỚI DẠNG BÀI TẬP SẮP XẾP CÂU

1. Hội thoại ngắn

Question 1:

- a. Alice: Did you go to the new bookstore downtown?
- b. Sarah: Oh, that sounds like a great idea!
- c. Alice: You should check it out. They have a nice reading lounge!

Answer: _____

Question 2:

- a. John: I need some help with my science homework.
- b. Mike: Sure! What topic are you working on?
- c. John: I'm stuck on the chapter about atoms.

Answer: _____

Question 3:

- a. Linda: What a beautiful sunset!
- b. Mark: Yes, it's stunning. Let's take a picture.
- c. Linda: Great idea! It'll be a nice memory.

Question 4:

- a. Teacher: Do you know where your book is, Anna?
- b. Anna: Yes, I think I left it in the library.
- c. Teacher: Please go and get it quickly.

Answer: _____

Question 5:

- a. Joe: Are you coming to the party tonight?
- b. Lily: I can't. I have an important meeting tomorrow.
- c. Joe: Oh, that's too bad. We'll miss you.

Answer: _____

Question 6:

- a. Max: What time is the concert?
- b. Emily: It starts at 7 p.m.
- c. Max: Let's go early to get good seats.

Answer: _____

Question 7:

- a. Jenny: Do you like coffee?
- b. Sarah: Yes, I have it every morning.
- c. Jenny: Same here! It's the best way to start the day.

Answer: _____

Question 8:

- a. Tom: Did you finish the project?
- b. Alex: Not yet. I still have a few details to add.
- c. Tom: Let me know if you need any help.

Answer: _____

Question 9:

- a. Lucy: How was your weekend?
- b. David: It was nice. I went hiking.
- c. Lucy: That sounds relaxing!

Answer: _____

Question 10:

- a. Manager: Have you seen the new policy document?
- b. Employee: Yes, I reviewed it this morning.
- c. Manager: Good. Let me know if you have questions.

Answer: _____

2. Trao đổi về một chủ đề cụ thể

Question 1

- a. Mike: Why are you joining the gym?
- b. Sarah: I want to improve my health.
- c. Mike: Do you think it will be effective?
- d. Mike: I tried it before, but it didn't work for me.
- e. Sarah: I believe it will work if I stay consistent.

Answer: _____

Question 2

- a. Lisa: Why are you switching jobs?
- b. Tom: I want to pursue my passion in graphic design.
- c. Lisa: Do you think it's the right time?
- d. Lisa: Personally, I think switching jobs can be risky.
- e. Tom: Yes, but I feel it's worth taking a chance.

Answer: _____

Question 3

- a. Joe: Why are you learning Japanese?
- b. Anna: I'm planning to visit Japan next year.
- c. Joe: Do you think it's a difficult language?
- d. Joe: I would love to learn it too, but it seems challenging.
- e. Anna: It is, but it's also really rewarding.

Answer: _____

Question 4

- a. Tina: Why have you decided to become vegetarian?
- b. Sam: I want to live a healthier lifestyle.
- c. Tina: Is it hard to give up meat?
- d. Tina: I think I would struggle with that.
- e. Sam: It can be challenging, but I feel better overall.

Answer: _____

Question 5

- a. David: Why are you taking a break from social media?
- b. Alice: I want to focus on my mental health.
- c. David: Do you think it will really make a difference?
- d. David: I considered it, but I'm still unsure.
- e. Alice: It's tough, but I feel more relaxed without it.

Answer: _____

Question 6

- a. Emma: Why are you choosing to work remotely?
- b. Josh: I prefer the flexibility it offers.
- c. Emma: Won't you miss the office atmosphere?
- d. Emma: I find it easier to work in an office environment.
- e. Josh: I enjoy the freedom and the time saved from commuting.

Answer: _____

Question 7

- a. Lily: Why are you learning to cook?
- b. Ben: I want to eat healthier meals.
- c. Lily: Isn't it time-consuming?
- d. Lily: I'd love to try cooking, but it seems hard.
- e. Ben: It is, but it's also enjoyable and rewarding.

Answer: _____

Question 8

- a. Mark: Why are you trying yoga?
- b. Mia: I heard it helps with relaxation.
- c. Mark: Do you think it will work for you?
- d. Mark: I find it hard to stay consistent with yoga.
- e. Mia: I think so, as long as I practice regularly.

Answer: _____

Question 9

- a. Ryan: Why are you studying Spanish?
- b. Emma: I want to communicate with more people when I travel.
- c. Ryan: Isn't it a hard language to learn?

d. Ryan: I've thought about it, but it seems challenging.

e. Emma: It is, but I love learning new languages.

Answer: _____

Question 10

a. Paul: Why are you saving up for a trip?

b. Jane: I want to experience new cultures.

c. Paul: Don't you think it will be expensive?

d. Paul: I'd love to travel, but it seems costly.

e. Jane: It is, but it's worth every penny.

Answer: _____

3. Thư từ hoặc email

Question 1

Hi Alex,

a. But I have to say, I am loving every bit of it!

b. Thank you so much for recommending the online photography course.

c. You should consider joining, too—it would be fun to learn together!

d. I also appreciate your advice on the free editing software. It's made editing so much easier.

e. It's a lot to take in, but I'm excited to improve my skills.

Write back soon,

Jess

Answer: _____

Question 2

Hi Chris,

a. I've tried a few recipes so far, and they turned out great!

b. Thanks a ton for sharing your cookbook recommendations with me.

c. I still need a lot of practice, though. Maybe we could cook together sometime?

d. I especially loved the one for homemade pasta—it was delicious.

e. Cooking is becoming my new favorite hobby!

Take care,

Lily

Answer: _____

Question 3

Dear Sam,

a. The techniques are challenging, but I'm determined to get better.

b. Thanks for sending over those drawing tutorial links.

c. I'd love to hear about any other art resources you find useful.

d. They've helped me improve so much already!

e. I'm slowly gaining confidence in my skills.

Best,
Riley

Answer: _____

Question 4

Hey Anna,
a. Learning a new language is tough, but I'm enjoying it.
b. Thank you for the tips on the Spanish language apps.
c. Your advice on practicing daily has really helped me stay consistent.
d. I think I might even try a conversation class soon!
e. I'm already seeing some improvement, especially in vocabulary.
Talk soon,
Emma

Answer: _____

Question 5

Hi Tom,
a. I was a bit nervous about the class at first.
b. Thanks so much for recommending the yoga studio near my place!
c. Now, I'm actually looking forward to each session.
d. The instructor is great, and I feel so relaxed afterward.
e. Maybe we could go together sometime.
Best,
Nina

Answer: _____

Question 6

Hi Jamie,
a. I especially enjoyed the video on sculpting techniques.
b. Thank you for the sculpture tutorial videos!
c. It was so informative and easy to follow.
d. I hope we can meet soon to share more ideas.
e. I've learned so much from them and can't wait to try out more.
Take care,
Dan

Answer: _____

Question 7

Hi Lucy,
a. You're right; it's very refreshing to get outside and explore.
b. Thank you for suggesting the hiking trails near the mountains.

- c. The views were breathtaking, and I felt so energized.
 - d. I think I'll go hiking more often now.
 - e. Let me know if you're free to join next weekend!
- See you soon,
Alex

Answer: _____

Question 8

- Dear Rachel,
- a. It's amazing how much I've learned in just a few sessions.
 - b. Thanks a lot for recommending the creative writing workshop.
 - c. I'm excited to see how much I can improve.
 - d. The instructor is fantastic, and the class is very inspiring.
 - e. We should meet up to discuss our progress!
- Regards,
Sam

Answer: _____

Question 9

- Hey Kevin,
- a. Playing soccer again feels fantastic.
 - b. Thanks for inviting me to join the local league.
 - c. I'd love to practice with you sometime!
 - d. The teammates are great, and the matches are fun.
 - e. It's definitely the best way to stay fit.
- Catch up soon,
Mike

Answer: _____

Question 10

- Hi Jess,
- a. The workout videos are challenging but fun.
 - b. Thanks so much for sending over the exercise routines!
 - c. I've already noticed a positive change in my energy levels.
 - d. It's a great way to stay active at home.
 - e. Let's catch up soon for a workout session together.
- Take care,
Alex

Answer: _____

4. Đoạn văn giới thiệu bản thân hoặc nghề nghiệp

Question 1

- a. Networking events and seminars have been invaluable in helping me grow professionally.
- b. Over the past year, I have focused on building a strong foundation in project management.
- c. I enjoy learning from experts and connecting with like-minded individuals.
- d. This field challenges me, but it's incredibly rewarding.
- e. I'm excited to see where my journey in project management will take me.

Answer: _____

Question 2

- a. With each new language I learn, my appreciation for different cultures deepens.
- b. My passion for languages began when I was young.
- c. Learning languages has been a fulfilling journey that also improves my memory and cognitive skills.
- d. This hobby not only broadens my horizons but also opens doors to unique career opportunities.
- e. In the future, I hope to become fluent in at least five languages.

Answer: _____

Question 3

- a. For the last few months, I have dedicated my time to volunteering at a local shelter.
- b. Working with the animals and staff has been an incredibly rewarding experience.
- c. It's heartwarming to see the positive impact we can have on these animals' lives.
- d. This opportunity has also taught me valuable skills in teamwork and patience.
- e. I plan to continue volunteering and perhaps even foster some animals.

Answer: _____

Question 4

- a. At first, balancing a full-time job with studying was a challenge.
- b. However, I soon learned effective time management techniques.
- c. Taking online courses has helped me improve my career prospects.
- d. Now, I am more confident in my ability to multitask and handle pressure.
- e. I'm motivated to keep learning and growing professionally.

Answer: _____

Question 5

- a. This role also involves communicating effectively with different departments.
- b. Being in customer service has taught me the importance of patience and empathy.
- c. I've had the opportunity to assist people and resolve issues, which is very rewarding.
- d. These skills have become essential in ensuring customer satisfaction.
- e. I am grateful for the experience and look forward to further growth in this field.

Answer: _____

Question 6

- a. My interest in photography started as a hobby during my travels.
- b. Capturing moments and places became a way to tell stories.
- c. Now, I work part-time as a photographer, focusing on nature and landscapes.
- d. This job allows me to combine my love for travel and art.
- e. In the future, I hope to publish a book of my best photos.

Answer: _____

Question 7

- a. Initially, learning to code felt overwhelming.
- b. I started with basic courses and gradually progressed to advanced topics.
- c. With perseverance, I began creating simple apps and websites.
- d. Coding has since become a valuable skill that I use daily in my work.
- e. I am excited to continue improving my skills and perhaps pursue a career in software development.

Answer: _____

Question 8

- a. It's satisfying to complete a well-organized and visually appealing spreadsheet.
- b. My job in data analysis involves a lot of organizing and interpreting information.
- c. I enjoy finding patterns and insights that help guide business decisions.
- d. Excel and data visualization tools have become my most trusted resources.
- e. I look forward to expanding my skills in this field and making a greater impact.

Answer: _____

Question 9

- a. Researching historical events and finding connections between them is fascinating to me.
- b. My love for history developed in school and only grew stronger over time.
- c. I've spent years reading, visiting museums, and even volunteering at a local historical society.
- d. Studying history teaches us valuable lessons about society and humanity.
- e. In the future, I hope to teach history to inspire others to appreciate it as I do.

Answer: _____

Question 10

- a. Currently, I'm working on mastering more advanced yoga poses.
- b. Practicing yoga has been an incredible journey for both my physical and mental health.
- c. It's a great way to relieve stress and stay active.
- d. I started with basic poses, and with time, my strength and flexibility have improved.
- e. I aim to become a certified instructor someday and help others find joy in yoga.

Answer: _____

5. Giải thích hoặc mô tả một sự kiện

Question 1

- a. This development has led to a significant rise in traffic, with more commuters using the main roads daily.
- b. Over the past decade, the small town of Greenfield has witnessed a noticeable shift towards urbanization.
- c. Green spaces, once popular among families and children, have gradually been converted into commercial buildings and apartments.
- d. The growing number of businesses in Greenfield has brought about job opportunities and improved the local economy.
- e. However, the downside is that pollution levels have also risen, impacting the town's air quality.

Answer: _____

Question 2

- a. This surge in population has led to an increase in demand for housing, causing property prices to skyrocket.
- b. Over the last five years, the coastal city of Brighton has become a popular destination for new residents.
- c. More shops, restaurants, and recreational facilities have been established to cater to the growing population.
- d. The city's beautiful beaches and mild climate attract families and retirees alike.
- e. However, the city now faces challenges related to overcrowding and environmental conservation.

Answer: _____

Question 3

- a. Unfortunately, the city now struggles with waste management, as the infrastructure hasn't kept pace with the rapid growth.
- b. Riverdale's development over the last decade has been rapid, with many residential areas turning into bustling commercial zones.
- c. As the city has grown, so has the demand for more infrastructure, such as roads and public transportation.
- d. Parks and other green spaces have become scarcer as the city prioritizes space for new buildings.
- e. Despite the downsides, Riverdale's growth has brought in numerous job opportunities and boosted the local economy.

Answer: _____

Question 4

- a. This trend has also encouraged tourism, as the city has gained a reputation for its thriving arts scene.
- b. In recent years, the city of Newtown has invested significantly in arts and culture.
- c. As a result, the number of art galleries and performance venues has increased, attracting artists from various regions.

- d. The city's cultural identity has been strengthened, making it a lively place to live.
- e. However, the influx of tourists has led to rising living costs for local residents.

Answer: _____

Question 5

- a. Sadly, the community now grapples with traffic jams and noise pollution.
- b. Oakville has seen a remarkable transformation, especially in its residential zones.
- c. A new shopping center and several restaurants have opened, providing more entertainment options.
- d. The population has grown significantly, leading to higher demand for housing.
- e. While these changes have brought convenience, they have also introduced challenges.

Answer: _____

Question 6

- a. Due to this growth, public transportation services have been expanded to accommodate the increasing population.
- b. Harbor City has grown rapidly, turning from a quiet coastal town into a bustling urban area.
- c. New schools, parks, and recreational areas have been built to meet the needs of young families moving in.
- d. The influx of residents has brought both opportunities and challenges to the city.
- e. Unfortunately, this expansion has also led to rising housing costs, making it harder for longtime residents to afford living there.

Answer: _____

Question 7

- a. The high demand for parking spaces has also led to congestion in previously quiet areas.
- b. Ironwood, once a small rural community, has seen remarkable growth over the last decade.
- c. Many of its historic landmarks have been renovated and are now surrounded by modern businesses and offices.
- d. The rise in commercial activity has significantly boosted the local economy.
- e. However, the increased traffic has created challenges for residents who are used to a quieter lifestyle.

Answer: _____

Question 8

- a. This influx has led to a thriving restaurant and retail scene that caters to young professionals.
- b. Sunhill, once known for its agricultural roots, has become a popular suburban area for city commuters.
- c. Many open fields have been converted into housing developments, making it one of the fastest-growing towns in the region.
- d. However, this rapid expansion has also placed a strain on public services, such as schools and

healthcare facilities.

e. Despite these challenges, Sunhill's economy has flourished, creating numerous job opportunities.

Answer: _____

Question 9

a. Unfortunately, this change has also resulted in less green space, affecting the local environment.

b. Fairview's population has doubled in the last decade, as new residents flock to its expanding neighborhoods.

c. The city has responded by building more schools, parks, and recreational facilities to meet the needs of its residents.

d. This growth has created new jobs and opportunities, making it an attractive place to live.

e. However, the city is now dealing with traffic congestion and pollution issues.

Answer: _____

Question 10

a. The growing population has also led to higher demand for resources and services.

b. Maplewood's transformation from a small village to a lively town has been significant over the years.

c. More businesses and schools have been established to support the community's needs.

d. Although these changes bring conveniences, they also present challenges, such as environmental conservation.

e. The town has become a hub of activity, attracting people from neighboring regions.

Answer: _____

CHUYÊN ĐỀ 3: ĐỌC VÀ ĐIỀN CÂU VÀO CHỖ TRỐNG TRONG ĐOẠN VĂN

1. Nội dung

Phần Đọc hiểu trong đề thi minh họa Tiếng Anh 2025 có 1 bài đọc dạng điền khuyết cấu trúc câu với 05 câu hỏi (từ câu 18 đến câu 22), được thiết kế để kiểm tra cấu trúc văn bản với một số lưu ý sau:

- Text có độ dài từ 200-230 từ
- Mang đủ các đặc trưng của văn viết (để tiện kiểm tra về dangling modifiers, parallel structures, agreement đa dạng các loại câu: đơn, phức, kép)
- Có từ 3 đoạn trở lên mới có thể kiểm tra liên kết đoạn.
- Ở mức độ **thông hiểu** có thể kiểm tra **ngữ động từ, cụm từ, mệnh đề phụ** (noun clause, adjective clause, adverb clause)
- Ở mức độ **vận dụng**, có thể kiểm tra **cả câu**.
- Có thể tham khảo TOEFL Junior

Read the following passage about humanoid robots and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Humanoid robots, eminent characters in science fiction novels and sci-fi films, are becoming a reality. *Sophia*, as an example, (18) VERB. One month later, she had her premiere in Texas, USA, and has made multiple public appearances around the world since then. At one such event, Sophia was granted Saudi Arabian citizenship in October 2017 and even became the first Innovation Champion of the United Nations Development Programme later that year. During Sophia's trip to Vietnam in 2018, she addressed the Industry 4.0 Summit and Expo.

Question 18: HIÊU

SVO

~~A. of which the activation was launched on Valentine's Day, 2016~~

B. was first activated on Valentine's Day in 2016

~~C. that had her first Valentine's activation launched in 2016~~

~~D. having been initially activated on Valentine's Day, 2016~~

Sophia the Robot is the latest humanlike robot created by a Hong Kong-based company (19) _____. Undoubtedly, Sophia together with other humanlike robots represents the rapid advancement in the field of robotics and artificial intelligence. (20) _____.

Question 19: VD

A. whose combined efforts in AI research, engineering, and design have given birth to robots

B. ~~succeeded~~ in bringing robots to life by combining research in AI, engineering, and design

C. ~~brought~~ robots to life thanks to its accomplishments in AI research, engineering, and design

D. of which the joint efforts in AI research, engineering, and design in building robots

Question 20: VD

A. She has been designed to assist humans in healthcare, customer support, and education

B. People in the fields of healthcare, customer service, and education helped create Sophia

C. Intending to aid humans in healthcare, customer support, and education, Sophia was developed

D. The assistance in customer support, education, and healthcare led to the creation of Sophia

Sophia's physical appearance is inspired by both the famous actress Audrey Hepburn and the creator's wife. (21) _____. But what makes her more lifelike than other robots is the patented artificial skin called Frubber®, which has the feel and flexibility of human skin.

Sophia amazes the world with her ability to communicate naturally. The Sophia Intelligence Collective, which is a combination of AI and human input, and other sophisticated perception techniques enable Sophia to recognise human faces and identify human emotions and gestures. *Equipped with machine learning algorithms*, (22) _____.

(Adapted from Friends Global)

Question 21:

A. Without cameras and microphones working as her eyes and ears, she could hear and see like humans

B. Her eyes and ears work as cameras and microphones so that people can see and hear her

C. She has cameras for eyes and microphones for ears, allowing her to see and hear like a human

D. Using cameras and microphones for eyes and ears, they allow her to see and hear as humans do

Question 22:

A. Sophia can understand human speech and interact with people

B. human speech and interaction are becoming so easy to Sophia

C. the machine can help Sophia speak and interact with humans

D. interaction in speech between Sophia and humans takes place

MA TRẬN NỘI DUNG, NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY CỦA CÁC VÍ DỤ MINH HỌA

ĐỌC HOÀN THÀNH VĂN BẢN/ ĐIỀN KHUYẾT THÔNG TIN		Năng lực đọc			Chủ điểm
		Cấp độ tư duy			
		Biết	Hiểu	Vận dụng	
CÂU HỎI	18		x		Xã hội của chúng ta
	19			x	
	20			x	
	21			x	
	22			x	

Phân tích mức độ

Câu hỏi	Mức độ nhận thức	Đáp án, giải thích
Câu 18	Thông hiểu	B. was first activated on Valentine’s Day in 2016 Sophia, as an example,_____. Chỗ trống thiếu vị ngữ của chủ ngữ Sophia nên cần một động từ giới hạn. (Finite verb , động từ giới hạn, là động từ có chủ ngữ, được chia thì, và cần được đảm bảo sự hòa hợp về thì, ngôi, và số đối với chủ ngữ.)
Câu 19	Vận dụng	A. whose combined efforts in AI research, engineering, and design have given birth to robots Chỗ trống số 19 cần một mệnh đề quan hệ bổ sung nghĩa cho cụm danh từ “a Hong Kong-based company”
Câu 20	Vận dụng	A. She has been designed to assist humans in healthcare, customer support, and education Chỗ trống số 20 cần một câu hoàn chỉnh. Mạch văn bản đang nói về robot Sophia nên câu cần chọn sẽ là câu nói thêm về mục đích Sophia được tạo ra.
Câu 21	Vận dụng	C. She has cameras for eyes and microphones

		for ears, allowing her to see and hear like a human Chỗ trống số 20 cần một câu hoàn chỉnh. Mạch văn bản đang nói về hình thức của robot Sophia nên câu cần chọn sẽ là câu nói thêm về thiết kế và các tính năng nghe nhìn như con người của Sophia.
Câu 22	Vận dụng	A. Sophia can understand human speech and interact with people. Chỗ trống số 21 cần một mệnh đề chính do trước đó đã có mệnh đề phụ của câu phức. Do mệnh đề phụ được rút gọn nên chủ ngữ của mệnh đề chính phải là chủ ngữ của mệnh đề phụ, tức là Sophia.

2. Phương pháp

- Nắm vững ngữ pháp về câu và các thành phần cơ bản trong câu để có thể phân tích được thành phần câu cần điền vào mỗi chỗ trống trong bài.

+ Các cấu trúc câu cơ bản trong tiếng Anh: mệnh đề, câu đơn, câu ghép, câu phức, câu phức ghép

+ Các liên từ dùng để liên kết ý, mệnh đề trong câu: liên từ đẳng lập trong câu ghép, liên từ phụ thuộc trong câu phức

- Tích lũy và mở rộng vốn từ vựng, kiến thức nền để hiểu được nội dung của bài, mạch văn bản nhằm loại bỏ được các phương án nhiễu, sai về mặt nội dung

3. Hình thức tổ chức

- **Tự luyện:** Học sinh tự đọc và làm bài tập Đọc hiểu từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau (sách giáo khoa, sách bài tập, đề thi thử, báo chí, internet...).
- **Ôn luyện trên lớp:** Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích bài đọc, thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi và sửa lỗi sai. Giáo viên có thể tổ chức các hoạt động nhóm để học sinh cùng nhau luyện tập kỹ năng đọc hiểu, ví dụ như chia sẻ ý chính của bài đọc, thảo luận về các câu hỏi khó, hoặc cùng nhau tạo ra sơ đồ tư duy cho bài đọc.
- **Kiểm tra định kỳ:** Đánh giá khả năng đọc hiểu của học sinh thông qua các bài kiểm tra, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy và học cho phù hợp.

4. Kiểm tra kết quả/tiến độ

- **Chấm điểm bài kiểm tra:** Đánh giá mức độ đạt được của học sinh ở mỗi mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng)
- **Phân tích lỗi sai:** Giúp học sinh nhận ra những điểm yếu và cải thiện kỹ năng đọc hiểu. Ví dụ, học sinh thường sai ở dạng câu hỏi nào? Nguyên nhân sai là gì? (thiếu từ vựng, không hiểu ngữ cảnh, không xác định mạch văn bản...).
- **Theo dõi sự tiến bộ:** Đánh giá sự phát triển của học sinh qua từng bài kiểm tra, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy và học cho phù hợp. Ví dụ, có thể sử dụng sơ đồ tiến trình để theo dõi sự tiến bộ của từng học sinh.

5. Dạng bài đọc hiểu điền khuyết thông tin 5 câu

PASSAGE 1

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 5.

When another old cave is discovered in the south of France, it is not usually news. (1) _____. Such discoveries are so frequent these days that hardly anybody pays heed to them. However, when the Lascaux cave complex was discovered in 1940, the world was amazed. Painted directly on its walls were hundreds of scenes showing (2) _____. The scenes show people hunting animals, such as bison or wild cats. Other images depict birds and, most noticeably, horses, (3) _____, by far outnumbering all other animals.

Early artists drawing these animals accomplished a monumental and difficult task. They (4) _____ to the easily accessible walls but carried their painting materials to spaces that required climbing steep walls or crawling into narrow passages in the Lascaux complex. Unfortunately, the paintings have been exposed to the destructive action of water and temperature changes, which easily wear the images away. (5) _____, air movement has also damaged the images inside. Although they are not out in the open air, where natural light would have destroyed them long ago, many of the images have deteriorated and are barely recognizable. To prevent further damage, the site was closed to tourists in 1963, 23 years after it was discovered. (225 words)

(Adapted from <https://toefl-samples.ets-rschtech-prod.c.ets.org/>)

- | | |
|--|--|
| 1. A. Rather, it is an ordinary event. | B. Instead, people find it strange. |
| C. Surprisingly, it amazed the world. | D. Luckily, it became very popular. |
| 2. A. how people lived thousands of years ago | B. how did people live thousands of years ago. |
| C. people lived thousands of years ago | D. people to live thousands of years ago |
| 3. A. which appear in more than 300 wall images | B. that appear in more than 300 wall images |
| C. appeared in more than 300 wall images | D. to appear in more than 300 wall images |
| 4. A. did not limit themselves | B. weren't limited by themselves |
| C. themselves had no limits | D. themselves did not limit |
| 5. A. Because the Lascaux caves have many entrances | |
| B. The Lascaux caves have many entrances | |
| C. Having many entrances in the Lascaux caves | |
| D. Because of having many entrances in the Lascaux caves | |

PASSAGE 2

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 5.

The WHO was established on April 7, 1948, and (1) _____ on July 24 of that year.

The WHO's official mandate is to promote health and safety (2) _____. It provides technical assistance to countries, sets international health standards, collects data on global health issues, and serves as a forum for scientific or policy discussions (3) _____. Its official publication, the *World Health Report*, provides assessments of worldwide health topics.

(4) _____, most notably the eradication of smallpox, the near-eradication of polio, and the development of an Ebola vaccine. Its current priorities include communicable diseases, such as HIV/AIDS, Ebola, malaria and tuberculosis; non-communicable diseases such as heart disease and cancer; healthy diet, nutrition, and food security; occupational health; and substance abuse. The agency advocates for universal health care coverage, engagement with the monitoring of public health risks, (5) _____ to health emergencies, and promoting health and well-being generally. (220 words)

(Adapted from <https://unjobscenter.org/Organization/world-health-organization-who/>)

1. A. convened its first meeting
C. convened his first meeting.
 2. A. while helping the vulnerable worldwide
C. but solve the social issues worldwide
 3. A. to relate health
B. relating to health
 4. A. The WHO has obtained information about public health in developing countries
B. The WHO has collected data on patients with contagious diseases in rural areas
C. The WHO has carried out a survey of public health in developing countries
D. The WHO has played a leading role in several public health achievements
 5. A. coordinate responses
C. coordinated responses
- B. convened her first convention
 - D. convened our first convention
 - B. when offering the elderly worldwide
 - D. and improve the living conditions worldwide
 - C. relate to health
 - D. related to health
 - B. coordinating responses
 - D. to coordinate responses

PASSAGE 3

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 5.

Sustainable fashion is (1) _____ as people increasingly recognize the impact of the clothing industry on the environment. Fast fashion brands often use cheap materials and methods that harm the planet, such as producing large amounts of waste and emitting pollutants during manufacturing, (2) _____ and low cost over quality and environmental responsibility.

In contrast, sustainable fashion focuses on eco-friendly practices such as using recycled materials, reducing water usage, and supporting fair labor. Sustainable fashion also encourages longer product life cycles (3) _____, and is less likely to end up in landfills. Designers in the sustainable fashion movement often innovate with materials and techniques, creating new options such as fabric (4) _____.

This shift in consumer preference has led many designers and brands to adopt more responsible practices and provide more sustainable options for consumers. (5) _____, many consumers are willing to invest more for the long-term benefits to the planet. As awareness of the environmental impact of fast fashion grows, the trend toward sustainability in fashion is expected to continue. (210 words)

(Adapted from VSTEP Practice Test)

1. A. becoming more popular
C. concerning more popular
 2. A. this prioritizes speed
C. it prioritizes speed
 3. A. to design clothing more comfortable
C. designing clothing that lasts longer
 4. A. made from recycled plastic bottles and natural dyes derived from plants
B. making from recycled plastic bottles and natural dyes deriving from plants
C. make from recycled plastic bottles and natural dyes to derive from plants
D. to make from recycled plastic bottles and natural dyes and derive from plants
 5. A. Because sustainable fashion needs to come at a higher cost
B. Therefore, sustainable fashion should sometimes come at a higher cost
- B. making more popular
 - D. to be more popular
 - B. which prioritizes speed
 - D. prioritizing speed
 - B. design clothing that is more flexible
 - D. designed more clothing to wear

- C. However, sustainable fashion is sometimes able to come at a higher cost
- D. Though sustainable fashion can sometimes come at a higher cost

PASSAGE 4

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 5.

The generation gap refers to the difference in attitudes or behavior between a younger generation and the older one. In my opinion, different attitudes towards life, different views about certain problems and (1) _____.

The first factor is that parents and children generally see things from different perspectives. Choosing a career is a good example for this. Many parents try to impose certain careers they favor on their children, basing on their own perceptions. (2) _____. Instead, they prefer to be free to make their own decisions on their future career.

Another factor lies in differences in musical tastes, fashion, and (3) _____. For example, having a pierced nose might be viewed as fashionable by some teens, but for many parents, it is considered to be an act of rebellion against social norms.

The major factor causing the generation gap (4) _____ lack of communication between parents and their children. Parents tend to be dominant and not to trust their children to deal with crises. Also, they keep talking too much about certain problems. That is the reason why young people seldom reveal their feelings to their parents. (5) _____, young people prefer to seek help from their classmates or friends. (201 words)

(Adapted from <https://www.sachmem.vn/trial/books/32/exercises>)

1. A. a lack of communication can cause a generation gap in most societies.
 B. a lack of communication which causes a generation gap in most societies.
 C. a lack of communication it causes a generation gap in most societies.
 D. there is a lack of communication that causes a generation gap in most societies.
2. A. Moreover, young people don't always understand their parents' points of views
 B. However, young people don't always understand their parents' points of views
 C. However, young people always understand their parents' points of views
 D. Moreover, young people always understand their parents' points of views
3. A. the young people and their parents have political views.
 B. political views between young people and their parents.
 C. between political views of young people and their parents.
 D. views of political between young people and their parents.
4. A. is lack of communication
 B. which is lack of communication
 C. being lack of communication
 D. have been lack of communication
5. A. When facing problems
 B. Face problems
 C. To face problems
 D. When faced problems

PASSAGE 5

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 5.

According to a leading business consultancy, 3-14% of the global workforce will need to switch to a different occupation within the next 10-15 years, and all workers will need to adapt as (1) _____ evolve alongside increasingly capable machines. Automation – or ‘embodied artificial intelligence’ (AI) – is one aspect of the disruptive effects of technology on the labor market. (2) _____.

Dr Stella Pachidi from Cambridge Judge Business School believes that some of the most fundamental changes are happening as a result of the ‘algorithmicization’ of jobs (3) _____ rather than on production – the so-called knowledge economy. Algorithms are capable of learning from data to undertake tasks that previously needed human judgement, such as reading legal contracts, analyzing medical scans and gathering market intelligence.

‘In many cases, they can outperform humans,’ says Pachidi. ‘Organizations (4) _____ because they want to make choices based on what they consider is “perfect information”, as well as to reduce costs and enhance productivity.’

‘But these enhancements are not without consequences,’ says Pachidi. ‘If routine cognitive tasks are taken over by AI, how do professions develop their future experts?’ she asks. ‘One way of learning about a job is “legitimate peripheral participation” – a novice stands next to experts and learns by observation. (5) _____, then you need to find new ways to learn.’ (240 words)

(Adapted from: <https://www.ielts-mentor.com/reading-sample/academic-reading/>)

- | | |
|--|--------------------------------------|
| 1. A. its occupations | B. their occupations |
| C. her occupations | D. your occupations |
| 2. A. ‘Disembodied AI’ like others, is the algorithms running in our smartphones | |
| B. The algorithms running in our smartphones are different from ‘Disembodied AI’ | |
| C. ‘Disembodied AI’, like the algorithms running in our smartphones, is another aspect | |
| D. Another disembodied AI’, like the algorithms running in, is our smartphones | |
| 3. A. that are dependent on data | B. these are dependent on data |
| C. those are dependent on data | D. it is dependent on data |
| 4. A. attract to use algorithms | B. attracted to use algorithms |
| C. be attracted to using algorithms | D. are attracted to using algorithms |
| 5. A. If this weren’t happening | B. If this isn’t happening |
| C. If this were happening | D. If this is happening |

CHUYÊN ĐỀ 4: ĐỌC HIỂU

1. Nội dung

Phần Đọc hiểu trong đề thi minh họa Tiếng Anh 2025 gồm hai bài đọc với 18 câu hỏi (từ câu 23 đến câu 40), được thiết kế để đánh giá khả năng đọc hiểu của thí sinh ở 4 mức độ nhận thức:

- **Nhận biết:** Xác định thông tin cụ thể, chi tiết được nêu rõ trong bài đọc (ví dụ: câu 23). Đây là mức độ cơ bản nhất, đòi hỏi thí sinh phải đọc kỹ và nhận dạng thông tin.
- **Thông hiểu:** Hiểu ý nghĩa của từ/cụm từ trong văn cảnh, diễn đạt lại ý của câu văn (ví dụ: câu 24, 25, 26). Mức độ này yêu cầu thí sinh phải hiểu được nghĩa của từ vựng trong ngữ cảnh cụ thể của bài đọc.
- **Vận dụng:** Áp dụng thông tin từ bài đọc để rút ra kết luận, so sánh, giải thích (ví dụ: câu 27, 28, 35, 37). Thí sinh cần phải kết hợp các thông tin trong bài đọc để đưa ra câu trả lời. Thí sinh cần phân tích, đánh giá, suy luận, đưa ra quan điểm cá nhân về nội dung bài đọc (ví dụ: câu 29, 30, 39, 40). Đây là mức độ khó nhất, đòi hỏi thí sinh phải có tư duy phản biện và khả năng suy luận logic.

Phân tích mức độ các câu hỏi phần đọc hiểu:

Mức độ nhận thức	Câu hỏi	Minh họa trong đề thi
Nhận biết	Nhận dạng thông tin cụ thể, chi tiết	Câu 23: Xác định ngôn ngữ nào KHÔNG được đề cập trong bài đọc.
Thông hiểu	Hiểu ý nghĩa của từ/cụm từ; Xác định từ đồng nghĩa/trái nghĩa	Câu 24: Tìm từ trái nghĩa với "extinct". Câu 26: Tìm từ đồng nghĩa với "accessible".
Thông hiểu	Hiểu đại từ thay thế cho từ/cụm từ nào	Câu 25: Xác định "Their" thay thế cho từ/cụm từ nào. Câu 33: Xác định "They" thay thế cho từ/cụm từ nào.
Vận dụng	Diễn đạt lại câu văn	Câu 27: Diễn đạt lại câu văn được gạch chân.
Vận dụng	Nhận biết thông tin Đúng/Sai/Không được đề cập	Câu 28, 37: Xác định thông tin đúng/sai.

Vận dụng	Xác định đoạn văn chứa thông tin	Câu 29, 30: Xác định đoạn văn chứa thông tin về mối quan hệ nhân quả, phương pháp hiện đại.
Vận dụng	Xác định vị trí phù hợp của câu trong đoạn văn	Câu 31: Xác định vị trí phù hợp để chèn câu vào đoạn văn.
Vận dụng	Xác định thông tin KHÔNG được đề cập	Câu 34: Xác định yếu tố KHÔNG phải là yếu tố đây.
Vận dụng	Tóm tắt ý chính của đoạn văn, cả bài đọc	Câu 35: Tóm tắt ý chính đoạn 3. Câu 40: Tóm tắt ý chính cả bài đọc.
Vận dụng cao	Suy luận, phân tích, đánh giá thông tin	Câu 36: Tìm từ trái nghĩa với "far-reaching". Câu 38: Diễn đạt lại câu văn phức tạp. Câu 39: Suy luận ra thông tin ngầm hiểu.

2. Phương pháp

Nắm vững từ vựng và ngữ pháp: Đây là nền tảng để hiểu được nội dung bài đọc. Cần học từ vựng theo chủ đề, ngữ cảnh và thường xuyên luyện tập ngữ pháp.

Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu:

- **Skimming:** Đọc lướt để nắm ý chính, xác định nội dung, mục đích và giọng điệu của bài đọc.
- **Scanning:** Đọc nhanh để tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết (ví dụ: tên riêng, số liệu, ngày tháng).
- **Độc kỹ:** Đọc kỹ từng đoạn văn để hiểu rõ nội dung chi tiết, xác định các ý chính và mối quan hệ giữa chúng.

Phân tích câu hỏi: Xác định dạng câu hỏi và mức độ nhận thức để có cách trả lời phù hợp. Ví dụ, với câu hỏi ở mức độ nhận biết, thí sinh chỉ cần tìm kiếm thông tin cụ thể trong bài đọc, trong khi với câu hỏi ở mức độ vận dụng cao, thí sinh cần phải suy luận, phân tích và đánh giá thông tin.

Kết hợp thông tin: Sử dụng thông tin từ bài đọc và kiến thức nền để suy luận, phân tích, đánh giá.

3. Hình thức tổ chức

- **Tự luyện:** Học sinh tự đọc và làm bài tập Đọc hiểu từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau (sách giáo khoa, sách bài tập, đề thi thử, báo chí, internet...).
- **Ôn luyện trên lớp:** Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích bài đọc, thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi và sửa lỗi sai. Giáo viên có thể tổ chức các hoạt động nhóm để học sinh cùng nhau luyện tập kỹ năng đọc hiểu, ví dụ như chia sẻ ý chính của bài đọc, thảo luận về các câu hỏi khó, hoặc cùng nhau tạo ra sơ đồ tư duy cho bài đọc.

- **Kiểm tra định kỳ:** Đánh giá khả năng đọc hiểu của học sinh thông qua các bài kiểm tra, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy và học cho phù hợp.

4. Kiểm tra kết quả/tiến độ

- **Chấm điểm bài kiểm tra:** Đánh giá mức độ đạt được của học sinh ở mỗi mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao).
- **Phân tích lỗi sai:** Giúp học sinh nhận ra những điểm yếu và cải thiện kỹ năng đọc hiểu. Ví dụ, học sinh thường sai ở dạng câu hỏi nào? Nguyên nhân sai là gì? (thiếu từ vựng, không hiểu ngữ cảnh, không xác định được ý chính...).
- **Theo dõi sự tiến bộ:** Đánh giá sự phát triển của học sinh qua từng bài kiểm tra, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy và học cho phù hợp. Ví dụ, có thể sử dụng sơ đồ tiến trình để theo dõi sự tiến bộ của từng học sinh.

5. Phân loại chi tiết, hướng dẫn cách làm từng loại câu hỏi:

5.1. Nhận biết thông tin chi tiết (Factual questions)

- **Cách làm bài:**
 - **Scanning:** Lướt nhanh qua bài đọc để xác định vị trí chứa thông tin cần tìm (thường dựa vào từ khóa trong câu hỏi).
 - **Đọc kỹ:** Sau khi xác định được đoạn văn chứa thông tin, đọc kỹ để tìm ra đáp án chính xác.
 - **Loại trừ:** Loại trừ các phương án sai hoặc không được đề cập trong bài đọc.
- **Kiểm tra:** Khả năng xác định thông tin cụ thể được nêu rõ trong bài đọc.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 23:** "Which of the following is NOT mentioned as one of the largest languages?" (Ngôn ngữ nào sau đây KHÔNG được đề cập là một trong những ngôn ngữ lớn nhất?)
 - **Cách làm:** Đọc kỹ đoạn đầu tiên của bài đọc, bạn sẽ thấy các ngôn ngữ được liệt kê là: Chinese, Spanish, English, Hindi, Russian, Arabic. Maori không nằm trong danh sách này —> **Đáp án: D. Maori.**
- **Gợi ý:** Loại câu hỏi này thường hỏi về thông tin cụ thể như tên, số liệu, thời gian, địa điểm... Cần đọc kỹ từng đoạn văn để tìm ra đáp án chính xác.

5.2. Xác định nghĩa của từ (Vocabulary questions)

- **Cách làm bài:**
 - **Ngữ cảnh:** Chú ý đến ngữ cảnh xung quanh từ cần xác định nghĩa để hiểu nghĩa của từ một cách chính xác.
 - **Từ đồng nghĩa/trái nghĩa:** Sử dụng kiến thức về từ đồng nghĩa/trái nghĩa để tìm ra đáp án.
 - **Phân tích cấu tạo từ:** Nếu không biết nghĩa của từ, có thể phân tích cấu tạo từ (tiền tố, hậu tố, gốc từ) để đoán nghĩa.
 -
- **Kiểm tra:** Khả năng hiểu nghĩa của từ vựng trong ngữ cảnh của bài đọc.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 24:** "The word extinct in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to ____" (Từ "extinct" trong đoạn 1 trái nghĩa với từ nào?)

- **Cách làm:**
 - Xác định nghĩa của từ "extinct" trong bài đọc (tuyệt chủng).
 - Xác định từ trái nghĩa với "extinct" trong các phương án (existent - tồn tại).
- > **Đáp án: A. existent.**
- **Câu 26:** "The word accessible in paragraph 4 could be best replaced by ____" (Từ "accessible" trong đoạn 4 có thể được thay thế tốt nhất bởi từ nào?)
- **Cách làm:** Tương tự như câu 24, cần xác định nghĩa của từ "accessible" trong ngữ cảnh (có thể truy cập) và tìm từ đồng nghĩa phù hợp (available - có sẵn). Đáp án là **A. available.**
- **Gợi ý:** Cần đọc kỹ đoạn văn chứa từ cần xác định nghĩa, chú ý đến ngữ cảnh để hiểu nghĩa của từ một cách chính xác.

5.3. Hiểu đại từ (Reference questions)

- **Cách làm bài:**
 - **Xác định đại từ:** Xác định rõ đại từ được hỏi trong câu hỏi.
 - **Tìm kiếm từ/cụm từ được thay thế:** Đọc kỹ các câu trước đại từ để tìm ra danh từ hoặc cụm danh từ mà đại từ đó thay thế.
- **Kiểm tra:** Khả năng xác định đại từ trong bài đọc thay thế cho từ/cụm từ nào.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 25:** "The word Their in paragraph 2 refers to ____" (Từ "Their" trong đoạn 2 ám chỉ ____)
 - **Cách làm:** Đọc kỹ đoạn 2, ta thấy từ "Their" xuất hiện trong câu "Their language shows this close connection between people and animals". Cần xác định xem "Their" thay thế cho từ/cụm từ nào phía trước. Trong trường hợp này, "Their" thay thế cho "Tuvan people".
- > **Đáp án: B. Tuvan people.**
- **Gợi ý:** Đại từ thường thay thế cho danh từ hoặc cụm danh từ đã được nhắc đến trước đó. Cần đọc kỹ các câu trước đại từ để xác định chính xác từ/cụm từ mà nó thay thế.

5.4. Diễn đạt lại câu (Paraphrasing questions)

- **Cách làm bài:**
 - **Nắm ý chính:** Xác định ý chính của câu cần diễn đạt lại.
 - **So sánh:** So sánh nghĩa của các phương án với ý chính của câu gốc.
 - **Chọn đáp án:** Chọn phương án diễn đạt lại ý của câu gốc một cách chính xác và đầy đủ nhất.
- **Kiểm tra:** Khả năng hiểu ý nghĩa của câu văn và diễn đạt lại bằng cách khác mà không thay đổi nghĩa gốc.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 27:** "Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?" (Câu nào sau đây diễn đạt lại tốt nhất câu được gạch chân trong đoạn 4?)
 - **Cách làm:**
 - Đọc kỹ câu được gạch chân trong đoạn 4: "Technology offers a possible alternative to saving endangered languages."
 - Xác định ý chính của câu: Công nghệ mang đến một phương án khả thi để bảo tồn các ngôn ngữ có nguy cơ tuyệt chủng.
 - Chọn phương án diễn đạt lại ý trên một cách chính xác nhất: **C. Technology could**

be another way to save endangered languages.

- **Gợi ý:** Cần xác định ý chính của câu cần diễn đạt lại, sau đó đọc kỹ các phương án và chọn phương án có nghĩa gần nhất với câu gốc.

5.5. Xác định ý chính (Main idea questions)

- **Cách làm bài:**
 - **Skimming:** Đọc lướt qua toàn bộ đoạn văn hoặc bài đọc để nắm được nội dung tổng quát.
 - **Xác định ý chính:** Xác định các ý chính của đoạn văn hoặc bài đọc.
 - **Tóm tắt:** Tóm tắt các ý chính bằng ngôn ngữ của mình.
 - **So sánh:** So sánh các phương án với bản tóm tắt của mình để chọn đáp án phù hợp nhất.
- **Kiểm tra:** Khả năng tóm tắt ý chính của đoạn văn hoặc cả bài đọc.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 35:** "Which of the following best summarises paragraph 3?" (Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?)
 - **Cách làm:**
- Đọc kỹ đoạn 3, xác định các ý chính được đề cập:
 - Sự di cư từ nông thôn ra thành thị gây ra nhiều tác động đến môi trường và cư dân thành thị.
 - Nạn phá rừng làm giảm chất lượng không khí, gây ra các vấn đề về sức khỏe.
 - Thành phố phải đối mặt với khó khăn trong việc cung cấp đầy đủ các tiện ích công cộng, dẫn đến tình trạng thiếu nhà ở giá rẻ.
- Chọn phương án tóm tắt đầy đủ và chính xác nhất các ý trên: **C. Rural migration is detrimental to not only the environment but also urbanites' health and life quality.**
 - **Câu 40:** "Which of the following best summarises the passage?" (Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất cả bài đọc?)
 - **Cách làm:** Tương tự như câu 35, cần xác định các ý chính của toàn bộ bài đọc và chọn phương án tóm tắt chính xác nhất.
- **Gợi ý:** Cần đọc lướt qua toàn bộ đoạn văn hoặc bài đọc để nắm được nội dung tổng quát, sau đó xác định các ý chính và chọn phương án tóm tắt phù hợp.

5.6. Suy luận (Inference questions)

- **Cách làm bài:**
 - **Kết hợp thông tin:** Kết hợp các thông tin trong bài đọc với kiến thức nền của bản thân để suy luận ra những thông tin ẩn chứa.
 - **Loại trừ:** Loại trừ các phương án không được suy ra từ thông tin trong bài đọc.
- **Kiểm tra:** Khả năng suy luận ra những thông tin không được nêu trực tiếp trong bài đọc.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 39:** "Which of the following can be inferred from the passage?" (Có thể suy luận được điều gì sau đây từ bài đọc?)
 - **Cách làm:** Dựa vào các thông tin trong bài đọc, ta có thể suy luận ra rằng nếu không có kế hoạch phù hợp, việc mở rộng đô thị có thể gây hại cho môi trường và cuộc sống của người dân thành thị. Đáp án là **C. Without proper planning, urban expansion may come at the expense of the environment and city dwellers' well-being.**
- **Gợi ý:** Cần đọc kỹ bài đọc và kết hợp các thông tin với kiến thức nền để suy luận ra những

thông tin ẩn chứa trong bài.

5.7. Câu hỏi về cấu trúc (Discourse questions)

- **Cách làm bài:**
 - **Từ/cụm từ nối:** Chú ý đến các từ/cụm từ nối để hiểu được mối quan hệ giữa các câu, các đoạn văn.
 - **Mạch lạc:** Xác định mạch lạc của bài đọc để hiểu được cách tác giả triển khai ý tưởng.
- **Kiểm tra:** Khả năng hiểu được mạch lạc và cấu trúc của bài đọc.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 29:** "In which paragraph does the writer mention a present causal relationship?" (Trong đoạn nào tác giả đề cập đến mối quan hệ nhân quả hiện tại?)
 - **Cách làm:** Đọc kỹ từng đoạn văn, xác định đoạn văn đề cập đến mối quan hệ nhân quả. Trong trường hợp này, đoạn 2 nói về việc người Tuvan phụ thuộc vào động vật và điều này được phản ánh trong ngôn ngữ của họ. Đáp án là **B. Paragraph 2**.
 - **Câu 30:** "In which paragraph does the writer explore modern methods for maintaining endangered languages?" (Trong đoạn nào tác giả khám phá các phương pháp hiện đại để duy trì các ngôn ngữ có nguy cơ tuyệt chủng?)
 - **Cách làm:** Tương tự như câu 29, cần xác định đoạn văn nói về các phương pháp hiện đại để duy trì ngôn ngữ. Đáp án là **D. Paragraph 4**.
 - **Câu 31:** "Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?" (Câu sau đây phù hợp nhất với vị trí nào trong đoạn 1?)
 - **Cách làm:** Đọc kỹ câu được cho và đoạn 1, xác định vị trí phù hợp nhất để chèn câu vào sao cho logic và mạch lạc.
- **Gợi ý:** Cần chú ý đến các từ/cụm từ nối, các ý chính của mỗi đoạn văn để hiểu được mạch lạc và cấu trúc của bài đọc.

5.8. Câu hỏi đúng/sai (True/False questions)

- **Cách làm bài::**
 - **Đọc kỹ:** Đọc kỹ từng phương án và đối chiếu với thông tin trong bài đọc.
 - **Chứng cứ:** Tìm ra chứng cứ trong bài đọc để hỗ trợ cho lựa chọn của mình.
- **Kiểm tra:** Khả năng phân biệt thông tin đúng/sai dựa trên nội dung bài đọc.
- **Ví dụ:**
 - **Câu 37:** "Which of the following is TRUE according to the passage?" (Điều nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?)
 - **Cách làm:**
 - Đọc kỹ từng phương án và đối chiếu với thông tin trong bài đọc.
 - Chứng cứ: Tìm ra chứng cứ trong bài đọc để hỗ trợ cho lựa chọn của mình.
 - Phương án A: Bài đọc nói chính phủ Wales đang nỗ lực để tăng số người nói tiếng Wales lên một triệu vào năm 2050 (đoạn 3), không phải tăng thêm một triệu. --> **Sai (False)**
 - Phương án B: Bài đọc đề cập đến "Talking Dictionaries" như một phương án khả thi, không phải cách duy nhất để bảo tồn ngôn ngữ (đoạn 4). --> **Sai (False)**
 - Phương án C: Bài đọc cho biết 230 ngôn ngữ đã biến mất từ năm 1950 đến 2010 (đoạn 1). --> **Sai (False)**
 - Phương án D: Số người nói tiếng Wales hiện tại là khoảng 500,000, và chính phủ Wales muốn tăng con số này lên một triệu vào năm 2050 (đoạn 3). --> **Đúng (True)** —> Đáp án:

D. The Welsh government is trying to double the number of Welsh speakers by 2050.

6. Bài tập theo form đề tham khảo TN THPT 2025

6.1. Dạng bài đọc hiểu 8 câu

Passage 1: Read the following passage about endangered languages and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

My mom is an accountant. She keeps track of the money that her company makes and spends. It's a nine-to-five job, and she really likes it. However, some people prefer not to work a nine-to-five job. This kind of job has both advantages and disadvantages.

My mom's job has some pretty good advantages. One advantage is that she gets a regular salary, which means she makes the same money each month. This helps her save money and plan for the future more easily. Moreover, the job comes with great perks, such as a company outing each year, dinners and parties, health insurance, and even a gym membership. In addition, the work-life balance of a nine-to-five job is not terrible because you have evenings off, and you don't usually work on the weekends.

On the other hand, I think there are some disadvantages of working a nine-to-five job, too. If you want to make more money, it can be pretty difficult. Your salary is the same each month. You have to get promoted to a higher position or leave and find a job with a higher salary. In contrast to my mom's job, some nine-to-five jobs don't offer good benefits at all. Finally, some people don't like the work-life balance of nine-to-five jobs. My mom has to work about 40 hours each week, which is quite a lot, and the hours aren't usually flexible.

In summary, there are some good benefits to my mom's nine-to-five office job, but not every job has them. It's great to have a regular salary and perks, but some people might prefer a better work-life balance.

Unit 4 - Tiếng Anh 12 (I-learn Smart World)

Question 23 (NB): Which of the following is NOT mentioned as an advantage of a nine-to-five job?

- | | |
|---------------------|------------------------|
| A. A regular salary | C. Flexible work hours |
| B. Health insurance | D. Company outings |

Question 24 (NB): The word "Moreover" in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

- | | |
|----------------|----------------------|
| A. However | C. On the other hand |
| B. In addition | D. Therefore |

Question 25 (TH): The word "them" in paragraph 4 refers to _____.

- | | | | |
|-------------|---------|----------|-------------|
| A. benefits | B. jobs | C. perks | D. salaries |
|-------------|---------|----------|-------------|

Question 26 (TH): Which of the following could best replace the word "terrible" in paragraph 2?

- | | | | |
|----------|--------|--------------|---------------|
| A. awful | B. bad | C. wonderful | D. acceptable |
|----------|--------|--------------|---------------|

Question 27 (VD): Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 1?

- A. All people don't like to work a nine-to-five job.
 B. Some people like to work a nine-to-five job.
 C. Most people prefer not to work a nine-to-five job.

D. No one prefers to work a nine-to-five job.

Question 28 (VD): Which of the following is TRUE according to the passage?

A. The author's mom has to work more than 40 hours each week.

B. It's easy to earn more money when you have a nine-to-five job.

C. The author's mom doesn't have a good work-life balance.

D. It can be challenging to make more money with a nine-to-five job.

Question 29 (NB): In which paragraph does the writer mention disadvantages of a nine-to-five job?

A. Paragraph 1

C. Paragraph 3

B. Paragraph 2

D. Paragraph 4

Question 30 (NB): In which paragraph does the writer discuss the advantages of a nine-to-five job?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Passage 2: Read the following passage about endangered languages and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

IS THERE REALLY A GENERATION GAP?

According to the results of a survey in USA WEEKEND Magazine, there isn't really a generation gap. The magazine's "Teens & Parents" survey shows that today's generation of young people generally get along well with their parents and appreciate the way they're being raised. Most feel that their parents understand them, and they believe their parents consider family as the No. 1 priority in their lives. Although more than a third of teens have something in their rooms they would like to keep secret from their parents, it is usually nothing more harmful than a diary or a CD.

Such results may seem surprising in the context of the violent events that people hear about in the media. Maybe because of the things they hear, parents worry that their own kids might get out of control once they reach the teenage years. However, the facts in the survey should make us feel better. The survey shows us that today's teens are loving and sensible. They are certainly happier than the angry people in the teenage stereotypes we all know about. True, some teenagers are very angry, and we need to recognize their needs, but the great majority of teens are not like that at all.

In contrast to some stereotypes, most teens believe they must be understanding about differences among individuals. Many of **them** volunteer for community service with disadvantaged people. When they talk about themselves, their friends and their families, they sound positive and proud. Generally, these are very nice kids.

Is this spirit of harmony a change from the past? Only a generation ago, parent-child relations were described as the "generation gap". Yet even then, things were not so bad. Most kids in the 1960s and 1970s shared their parents' basic values.

Perhaps, however, it is true that American families are growing closer at the beginning of this new millennium. Perhaps there is less to fight about, and the dangers of drug abuse and other unacceptable behavior are now well known. Perhaps, compared to the impersonal world outside the home, a young person's family is like a friendly shelter, not a prison. And perhaps parents are acting more like parents than they did 20 or 30 years ago.

Unit 2 - Tiếng Anh 12 (Global Success)

Question 23: (NB) What is the passage mainly about?

- A. The results of a survey on the generation gap
- B. The relationship between parents and children
- C. The differences between generations
- D. The causes of the generation gap

Question 24: (VD) The word "priority" in paragraph 1 is closest in meaning to _____.

- A. attention
- B. question
- C. preference
- D. decision

Question 25: (NB) The word "they" in paragraph 4 refers to _____.

- A. kids
- B. parents

C. relations

D. things

Question 26: (TH) Which of the following is NOT true about today's teenagers, according to the survey?

A. They get along well with their parents. B. They appreciate the way they're being raised. C. They keep secrets from their parents. D. They are generally happy.

Question 27: (TH) Which of the following could best replace the word "shelter" in paragraph 5?

A. house

B. refuge

C. prison

D. place

Question 28: (VD) Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 1?

A. There is a big difference between generations.

B. There is no difference between generations.

C. There is a small difference between generations.

D. There is a difference between generations, but not a big one.

Question 29: (TH) In which paragraph does the writer mention some surprising results of the survey?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 5

Question 30: (NB) In which paragraph does the writer discuss parent-child relations in the past?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 5

6.2. Dạng bài đọc hiểu 10 câu

Passage 1: Read the following passage about the urban shift and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

In American, although most men still do less housework than their wives, that gap has been halved since the 1960s. Today, 41 per cent of couples say they share childcare equally, compared with 25 percent in 1985. Men's greater involvement at home is good for their relationships with their spouses, and also good for their children. Hands-on fathers make better parents than men who let their wives do all the nurturing and childcare. They raise sons who are more expressive and daughters who are more likely to do well in school - especially in math and science.

In 1900, life expectancy in the United States was 47 years, and only four per cent of the population was 65 or older. Today, life expectancy is 76 years, and by 2025, it is estimated about 20 per cent of the U.S. population will be 65 or older. For the first time, a generation of adults must plan for the needs of both their parents and their children. Most Americans are responding with remarkable grace. One in four households gives the **equivalent** of a full day a week or more in unpaid care to an aging relative, and

more than half say they expect to do so in the next 10 years. Older people are less likely to be impoverished or incapacitated by illness than in the past, and have more opportunity to develop a relationship with their grandchildren.

Even some of the choices that worry people the most are turning out to be **manageable**. Divorce rates are likely to remain high, and in many cases marital breakdown causes serious problems for both adults and kids. Yet when parents minimize conflict, family bonds can be maintained. And many families are doing **this**. More non-custodial parents are staying in touch with their children. Child-support receipts are rising. A lower proportion of children from divorced families are exhibiting problems than in earlier decades. And stepfamilies are learning to maximize children's access to supportive adults rather than cutting them off from one side of the family.

Question 31: (TH) What is the main idea of the passage?

- A. The changing roles of men in American families.
- B. The increasing life expectancy in the United States.
- C. The challenges and positive trends in American family life.
- D. The impact of divorce on American families.

Question 32: (VD) The word "spouses" in paragraph 1 could be best replaced by _____.

- A. husbands B. wives C. partners D. children

Question 33: (TH) The word "They" in paragraph 2 refers to _____.

- A. Men B. Parents C. Fathers D. Children

Question 34: (TH) According to the passage, which of the following is NOT a benefit of men's greater involvement at home?

- A. Improved relationships with spouses. B. Better parenting skills.
- C. Increased life expectancy. D. Positive impact on children's development.

Question 35: (VD) Which of the following best summarizes the information about life expectancy in the United States?

- A. Life expectancy has increased significantly, leading to a larger elderly population.
- B. The increase in life expectancy has created challenges for families caring for both children and elderly parents.
- C. Older people are now more likely to be poor and sick.
- D. Most Americans are not prepared to care for their aging parents.

Question 36: (TH) The word "manageable" in paragraph 3 is closest in meaning to _____.

- A. unavoidable B. difficult C. controllable D. irresponsible

Question 37: (VD) Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Most American men do more housework than their wives.
- B. The majority of children from divorced families have serious problems.
- C. Family bonds cannot be maintained after a divorce.
- D. More non-custodial parents are maintaining relationships with their children.

Question 38: (VD) Which of the following can be inferred from the passage?

- A. American families are facing more challenges than ever before.
- B. Despite challenges, American families are adapting and finding ways to thrive.
- C. Divorce is the biggest problem facing American families today.

D. The generation gap is widening in American families.

Question 39: (TH) Which of the following is closest in meaning to the sentence "Hands-on fathers make better parents than men who let their wives do all the nurturing and childcare." in paragraph 2?

- A. Fathers who actively participate in raising their children are better parents than those who leave all the work to their wives.
- B. Mothers are better at nurturing and caring for children than fathers.
- C. Fathers who are not involved in childcare are still good parents.
- D. Children do not need their fathers to be involved in their upbringing.

Question 40: (TH) Where in paragraph 2 does the author mention the increasing number of elderly people in the US?

- A. In 1900, life expectancy in the United States was 47 years, and only four per cent of the population was 65 or older.
- B. Today, life expectancy is 76 years, and by 2025, it is estimated about 20 per cent of the U.S. population will be 65 or older.
- C. For the first time, a generation of adults must plan for the needs of both their parents and their children.
- D. Most Americans are responding with remarkable grace.

Passage 2: Read the following passage about the urban shift and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

We all experience joy and sorrow in our lives, but have we ever wondered why we need both? Some people might think that joy is the only thing worth pursuing, and that sorrow is something to avoid at all costs. However, this is a shortsighted view.

The quote "We could never learn to be brave and patient, if there were only joy in the world" is attributed to Helen Keller, a remarkable woman who overcame blindness and deafness to become a renowned author, activist and lecturer. She knew **firsthand** the challenges and hardships that life can bring, but she also appreciated the beauty and meaning that can be found in overcoming them. She believed that joy and sorrow are inseparable, and that they both enrich our lives in different ways.

Joy is the natural response to the good things that happen to us, such as love, friendship, success, achievement, pleasure and satisfaction. Joy gives us a sense of happiness, gratitude, fulfilment and optimism. It motivates us to pursue our goals and dreams, and to share our gifts and talents with others. Joy is essential for our well-being and happiness. However, joy alone is not enough to make us complete. Joy can blind us to the realities and needs of others, and to the opportunities for improvement and change. We are not perfect.

On the other hand, sorrow challenges us to face our problems and difficulties, and to cope with our emotions and feelings. Sorrow is there to make us more resilient. That said, sorrow alone is not enough to make us grow. Sorrow can **paralyse** us from taking action and moving forward, making us lose sight of our strengths and potentials.

Question 31: (NB) What is the main idea of the passage?

- A. The importance of joy in life.
- B. The benefits of sorrow.
- C. The balance of joy and sorrow in life.
- D. The life of Helen Keller.

Question 32: (VD) The word "shortsighted" in paragraph 1 is closest in meaning to _____.

- A. wise B. foolish C. optimistic D. pessimistic

Question 33: (TH) The word "them" in paragraph 2 refers to _____.

- A. challenges and hardships B. beauty and meaning
C. joy and sorrow D. lives

Question 34: (TH) According to the passage, which of the following is NOT a benefit of joy?

- A. It gives us a sense of happiness. B. It motivates us to pursue our goals.
C. It makes us aware of our imperfections. D. It helps us to share our gifts with others.

Question 35: (VD) Which of the following best summarizes the author's view on joy?

- A. Joy is the only thing that matters in life.
B. Joy is not important at all.
C. Joy is important, but it should be balanced with sorrow.
D. Joy is something that we should avoid.

Question 36: (TH) The word "resilient" in paragraph 3 can be best replaced by _____.

- A. strong B. weak C. happy D. sad

Question 37: (VD) Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Helen Keller was a famous scientist.
B. Joy can make us ignore the needs of others.
C. Sorrow is the only way to grow as a person.
D. We should always avoid sorrow.

Question 38: (VD) Which of the following can be inferred from the passage?

- A. We can learn and grow from both joy and sorrow. B. Joy is more important than sorrow.
C. Sorrow is more important than joy. D. Joy and sorrow are the same thing.

Question 39: (TH) Which of the following is closest in meaning to the sentence "Joy is essential for our well-being and happiness." in paragraph 2?

- A. Joy is not necessary for our well-being and happiness.
B. Joy is harmful to our well-being and happiness.
C. Joy is important for our well-being and happiness.
D. Joy is the only thing that can bring us well-being and happiness.

Question 40: (TH) Where in paragraph 3 does the author mention the negative effects of sorrow?

- A. On the other hand, sorrow challenges us to face our problems and difficulties, and to cope with our emotions and feelings.
B. Sorrow is there to make us more resilient.
C. That said, sorrow alone is not enough to make us grow.
D. Sorrow can paralyse us from taking action and moving forward, making us lose sight of our strengths and potentials.

